

Panasonic

Máy điều hòa không khí 2014

INTELLIGENT ECO SENSORS

ECONAVI

INVERTER

DIENLANHHANOI.COM.VN



CÁC DÒNG SẢN PHẨM

PRODUCT LINE-UP

Công suất (Btu/h)
Capacity (Btu/h)

9,000

12,000

18,000

Máy
INVERTER
HAI CHIỀU
SANG TRỌNG
Trang 16

Wall-Mounted
INVERTER DELUXE
HEAT PUMP
SINGLE-SPLIT
Page 16

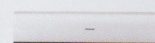
Treo tường, kích thước chuẩn



CS-E9PKH-8
(CU-E9PKH-8)



CS-E12PKH-8
(CU-E12PKH-8)

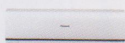


CS-E18PKH-8
(CU-E18PKH-8)

Máy
HAI CHIỀU
SANG TRỌNG
Trang 17

Wall-Mounted
DELUXE COOLING
HEAT PUMP
SINGLE-SPLIT

Treo tường, kích thước chuẩn



CS-A9PKH-8
(CU-A9PKH-8)



CS-A12PKH-8
(CU-A12PKH-8)

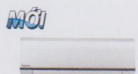


CS-A18PKH-8
(CU-A18PKH-8)

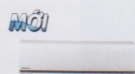
Máy
INVERTER
MỘT CHIỀU
SANG TRỌNG
Trang 18

Wall-Mounted
INVERTER
SEMI DELUXE
SINGLE-SPLIT
Page 18

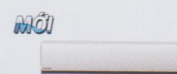
Treo tường, kích thước chuẩn



CS-TS9QKH-8
(CU-TS9QKH-8)



CS-TS12QKH-8
(CU-TS12QKH-8)

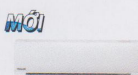


CS-TS18QKH-8
(CU-TS18QKH-8)

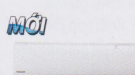
Máy
MỘT CHIỀU
TIÊU CHUẨN
Trang 19

Wall-Mounted
SEMI DELUXE
SINGLE-SPLIT
Page 19

Treo tường, kích thước chuẩn



CS-KC9QKH-8
(CU-KC9QKH-8)



CS-KC12QKH-8
(CU-KC12QKH-8)



CS-KC18QKH-8
(CU-KC18QKH-8)

(): Khối ngoài trời
(): Outdoor Unit

Model Một chiều lạnh
Cooling Models

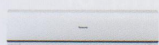
Model Hai chiều
Heating Models

24,000

28,000

Treo tường, kích thước rộng

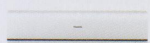
Tính năng / Features



CS-E24PKH-8
(CU-E24PKH-8)

ĐIỀU HÒA **4mùa**
INVERTER
ECONAVI
• **nanoe-G**

Treo tường, kích thước rộng

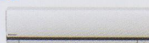


CS-A24PKH-8
(CU-A24PKH-8)

ĐIỀU HÒA **4mùa**
ECONAVI
• **nanoe-G**

Treo tường, kích thước rộng

MŨI

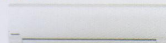


CS-TS24QKH-8
(CU-TS24QKH-8)

INVERTER
ECONAVI
• **nanoe-G**

Treo tường, kích thước rộng

MŨI



CS-KC24QKH-8
(CU-KC24QKH-8)

MŨI



CS-KC28QKH-8
(CU-KC28QKH-8)

DIENLANHHANOI.COM.VN

INTELLIGENT ECO SENSORS

ECONAVI

Các sản phẩm điện tử gia dụng Panasonic được trang bị cảm biến ECONAVI tự động đánh giá tình trạng môi trường và tối ưu hóa hoạt động.

Panasonic ECONAVI appliances automatically sense conditions in your environment and optimise operation.

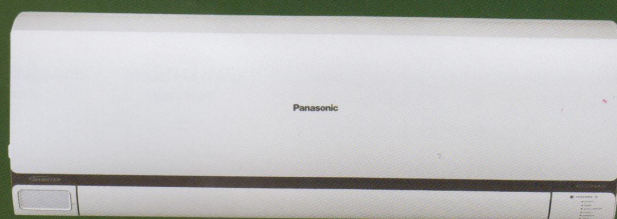
Hiệu suất sử dụng điện là chìa khóa mở ra cuộc sống tiện nghi mà vẫn thân thiện với môi trường. Cảm biến Eco thông minh tự động đánh giá tình trạng môi trường, cho phép các sản phẩm trang bị cảm biến ECONAVI tối ưu hóa hoạt động suốt cả ngày.

Energy efficiency is the key to enjoying a comfortable lifestyle while doing right by the environment. Intelligent eco sensors automatically sense the conditions in your home environment, allowing ECONAVI appliances to optimize their operation throughout the day and night.

ECONAVI + INVERTER

Thêm vào đó, công nghệ INVERTER giúp sử dụng dữ liệu của cảm biến để kiểm soát chính xác hơn nhiệt độ, thời gian, công suất tiêu thụ điện cũng như các thông số khác. Nhờ các công nghệ tiên tiến của Panasonic mà các sản phẩm này giúp giảm thiểu lãng phí điện năng và nước tiêu thụ nhưng vẫn đem lại cho bạn cuộc sống tiện nghi và thoải mái hơn.

Inside, the INVERTER also leverages sensor data to achieve high-precision control of temperature, timing, power use, and other parameters. Thanks to these advanced Panasonic technologies, ECONAVI appliances minimize waste, energy and water consumption while making your life even more comfortable and convenient.



Lưu ý: Sản phẩm, model và thông số kỹ thuật có thể thay đổi tùy thuộc từng thị trường hay khu vực. Vui lòng tham khảo với Công ty Panasonic hoặc đại lý để biết thêm chi tiết.
Remark: Product availability, model names and specification may vary according to country or region. Please check with Panasonic sales companies or Authorized Local Distributors in each respective country or region.

DIENLANHHA NOI.COM.VN

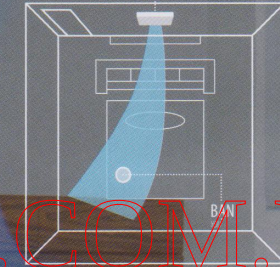
CẢM BIẾN ÁNH SÁNG

SUNLIGHT SENSOR

Công suất làm lạnh giảm đi khi cường độ ánh sáng mặt trời giảm giúp giảm hao phí năng lượng.

Cooling power is reduced when sunlight is less intense to reduce energy consumption.

MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ
AIR CONDITIONER



CẢM BIẾN CON NGƯỜI

HUMAN ACTIVITY SENSOR

Gió lạnh được hướng tới khu vực có người, giúp tăng cường cảm giác thoải mái và giảm hao phí năng lượng.

Cool air is directed where people are located, enhancing comfort and reducing energy consumption.



COOL.

Chúng tôi muốn môi trường sống thoải mái nhất có thể.

We like our living spaces to be as comfortable as possible.

ECO.

Chúng tôi muốn hưởng thụ cảm giác thư giãn mà vẫn thân thiện với môi trường.

We want to enjoy cool comfort in a sustainable way.

INTELLIGENT ECO SENSORS

ECONAVI + **INVERTER**

ECONAVI giám sát những tình huống thường xảy ra lãng phí điện năng và điều chỉnh công suất làm lạnh sao cho phù hợp. Tiếp đó, công nghệ **INVERTER** sử dụng dữ liệu do cảm biến **ECONAVI** thu được và điều chỉnh tốc độ quay của máy nén. Điều này giúp tối ưu công suất làm lạnh và giảm lãng phí điện.

ECONAVI detects where energy is normally wasted and adjusts cooling power accordingly. Then, INVERTER leverages ECONAVI sensor data and varies compressor rotation speed. This helps to optimise cooling operation and reduce wasteful cooling.

nanoe-G

nanoe-G sử dụng các hạt cực nhỏ nhờ công nghệ nano nhằm tác động có hiệu quả lên các vi sinh vật trong không khí, trên bề mặt và thậm chí trên màng lọc, đem lại môi trường sống sạch và vệ sinh hơn.

nanoe-G uses nano-technology fine particles that work effectively on micro-organisms in the air, on surfaces and even in the filter to ensure a cleaner living environment.

MỤC LỤC / INDEX

Các dòng sản phẩm 02 - 03
Model Line Up

ECONAVI 04 - 05

ECONAVI + INVERTER 08 - 11

nanoe-G 12 - 15

Máy Inverter Hai chiều sang trọng 16
Inverter Deluxe Heat Pump Single - Split

Máy Hai chiều sang trọng 17
Deluxe Heat Pump Single - Split

Máy Inverter Một chiều sang trọng 18
Inverter Semi Deluxe Single - Split

Máy Một chiều tiêu chuẩn 19
Semi Deluxe Single - Split

So sánh và giải thích tính năng 20 - 21
Features Comparison and Explanation

Giải thích cơ chế hoạt động **ECONAVI** 22 - 27
ECONAVI Technical Explanation

Giải thích cơ chế hoạt động **INVERTER** 28 - 29
INVERTER Technical Explanation

Giải thích cơ chế hoạt động **nanoe-G** 30 - 35
nanoe-G Technical Explanation

Độ tin cậy 36
Reliability

Các dòng
sản phẩm
Product Line Up

TOGETHER.

Chúng tôi có thể đạt được mục tiêu này bằng cách kết hợp những công nghệ tiên tiến nhất của Panasonic.

We can achieve this by combining the best of our technologies.

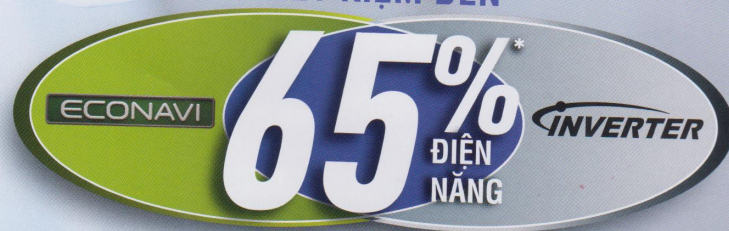
ECONAVI + INVERTER

DIENLANHHANOI.COM.VN

ECONAVI

INVERTER

TIẾT KIỆM ĐẾN



* So sánh giữa model 1.5HP sử dụng công nghệ Inverter đang bật chế độ ECONAVI (với Cảm biến con người, Cảm biến ánh sáng, và Điều nhiệt sinh học) và model 1.5HP tiêu chuẩn (chế độ làm lạnh)

Model Inverter đang bật chế độ ECONAVI:
ECONAVI bật, Nhiệt độ ngoài trời 35°C/24°C.
Cài đặt nhiệt độ trên điều khiển từ xa: 25°C, Tốc độ quạt cao.
Hướng gió thổi dọc: Tự động, Hướng gió thổi ngang: Chế độ ECONAVI.
Nhiệt độ cài đặt tăng tổng cộng 2°C, 1°C do Cảm biến ECONAVI giảm sát hoạt động con người và 1°C do giảm sát cường độ ánh sáng mặt trời.
Điều nhiệt sinh học bật.

Model tiêu chuẩn không có ECONAVI:

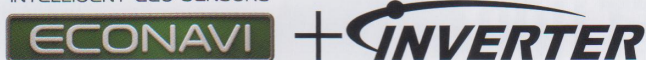
Nhiệt độ ngoài trời: 35°C/24°C.
Cài đặt nhiệt độ trên điều khiển từ xa: 25°C, Tốc độ quạt cao.
Hướng gió thổi dọc: Tự động, Hướng gió thổi ngang: Hướng trước.

Tổng điện năng tiêu thụ đo được trong 2 giờ trong điều kiện máy hoạt động ổn định. Tại phòng thí nghiệm Panasonic (diện tích: 16,6m²).
Đây là mức tiết kiệm cao nhất đo được. Kết quả có thể thay đổi tùy theo điều kiện lắp đặt và sử dụng.

SỰ KẾT HỢP HOÀN HẢO GIÚP TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

THE PERFECT ENERGY SAVING MATCH

INTELLIGENT ECO SENSORS



ECONAVI và INVERTER kết hợp với nhau giúp máy điều hòa không khí thích ứng với phong cách sống của bạn và tối ưu hoạt động của máy nhằm tiết kiệm điện tối đa.

ECONAVI and INVERTER intelligently work together, adapting to the way you live and optimising operation accordingly to save energy.

ECONAVI

- 5 tính năng tiết kiệm nhận biết hoạt động trong phòng và điều kiện phòng để phát hiện các yếu tố thường xảy ra lãng phí điện năng.

5 energy saving features monitor activity and room conditions to detect where energy is normally wasted.

INVERTER

- Thay đổi tốc độ quay của máy nén dựa trên dữ liệu do ECONAVI thu thập được.
- Đem lại khả năng kiểm soát nhiệt độ một cách chính xác.

Varies compressor speed according to ECONAVI sensor data.

Achieves precise temperature control.

Bằng cách kết hợp hai công nghệ tiên tiến này,
bạn sẽ tiết kiệm tới 65% điện năng tiêu thụ.

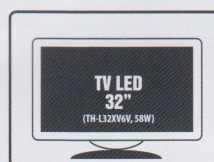
By combining the abilities of these two innovations, you can achieve up to 65% energy savings.

ECONAVI + Inverter tiết kiệm điện trong 1 giờ tương đương / ECONAVI + Inverter saves the energy in 1 hour equivalent to



4 Giờ^{*1} / HOURS

hoặc / or



7 Giờ^{*1} / HOURS

hoặc / or



85 Giờ^{*1} / HOURS

^{*1} So sánh giữa model 1.SHP sử dụng công nghệ Inverter đang bật chế độ ECONAVI (với Cảm biến con người, Cảm biến ánh sáng, và Điều nhiệt sinh học) và model 1.SHP tiêu chuẩn (chế độ làm lạnh). Thời gian có thể thay đổi tùy theo sản phẩm, model và thông số kỹ thuật của từng nước hoặc từng thị trường.

^{*2} Comparison of 1.SHP Inverter model with ECONAVI (with Dual Human Activity Sensor, Sunlight Sensor, and Temperature Wave) ON and 1.SHP Standard non-Inverter (Cooling). Total hours may vary depending on product availability, model name and specifications in different countries or regions.

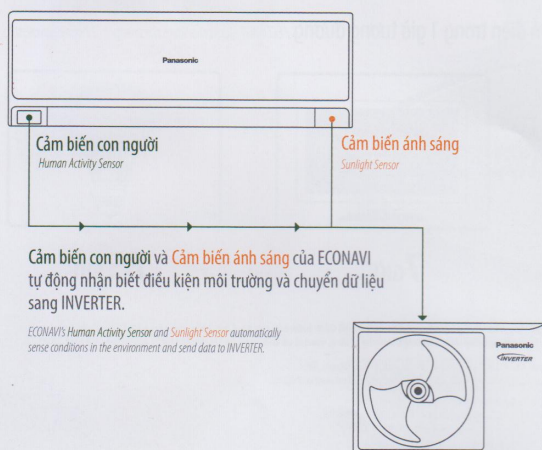
SỰ KẾT HỢP GIỮA ECONAVI VÀ INVERTER ĐEM LẠI KHẢ NĂNG TIẾT KIỂM ĐIỆN TỐT HƠN

ECONAVI AND INVERTER,

WORKING TOGETHER

FOR BETTER ENERGY SAVINGS

DIENLANHHANOI.COM.VN



Sau đó, INVERTER thay đổi tốc độ quay của máy nén để duy trì chính xác nhiệt độ phòng, nhờ thế giảm thiểu lãng phí điện năng.

Then, INVERTER varies compressor rotation speed to maintain precise room temperature, thus minimising wasteful cooling.



1 LÀM LẠNH MẠNH MẼ POWERFUL COOLING

INTELLIGENT ECO SENSORS
ECONAVI

Chế độ nhận biết khu vực hoạt động của ECONAVI kiểm tra vị trí của bạn và hướng luồng gió thổi về phía bạn, giúp bạn luôn cảm thấy mát lạnh. Chế độ này giúp giảm lãng phí điện năng do làm lạnh khu vực không có người, nhờ thế giúp tiết kiệm điện.

ECONAVI's Area Search detects your location and directs airflow toward you so you are always cool. It also reduces the waste of cooling unoccupied areas of the room, thus saving energy.

Vui lòng tham khảo trang 22 - 27.
Please refer to page 22-27.

INVERTER

Thoải mái ngay khi bước chân vào phòng. Nhờ công nghệ INVERTER giúp làm lạnh phòng nhanh hơn ngay khi máy bật. Bạn sẽ cảm thấy thoải mái hơn.

Coming home is now even more relaxing. Thanks to INVERTER which cools the room faster at start up. So you can get comfortable quicker.

Vui lòng tham khảo trang 28 - 29.
Please refer to page 28-29.



Nhận biết cường độ
ánh sáng:
Cường độ CAO

Sunlight Detection:
HIGH Intensity



Công suất làm lạnh ↑
Cooling Power

2 CẢM GIÁC THOẢI MÁI COOLING COMFORT

INTELLIGENT ECO SENSORS
ECONAVI

Chức năng Cảm biến ánh sáng của ECONAVI điều chỉnh công suất làm lạnh tương ứng với cường độ ánh sáng mặt trời. Giúp bạn cảm thấy mát lạnh khi ngoài trời đang nóng.

ECONAVI's Sunlight Detection adjusts cooling power according to sunlight intensity. Keeping you cool when it's hot outside.

Vui lòng tham khảo trang 22 - 27.
Please refer to page 22-27.

INVERTER

Máy điều hòa không khí Inverter thông minh của Panasonic thích ứng với số lượng người trong phòng, bảo đảm duy trì cảm giác thoải mái không thay đổi.

Panasonic INVERTER air conditioners intelligently adapt to the different room occupancy levels. This ensures constant cooling comfort.

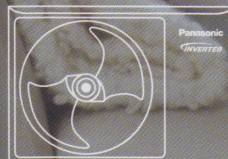
Vui lòng tham khảo trang 28 - 29.
Please refer to page 28-29.



Nhận biết mức hoạt động:
Hoạt động THẤP
Activity Detection: LOW activity



Điều nhiệt sinh học:
Hoạt động THẤP
Temperature Wave: LOW activity



Công suất làm lạnh ↓
Cooling Power

3 TIẾT KIỆM ĐIỆN ENERGY SAVING

INTELLIGENT ECO SENSORS
ECONAVI

ECONAVI với 5 tính năng tiết kiệm điện có khả năng tự động đánh giá điều kiện trong phòng và tối ưu hóa hoạt động của máy.

ECONAVI activates 5 energy saving features which automatically sense conditions in your home environment and optimises operation accordingly.

Nhận biết mức hoạt động
Activity Detection

Nhận biết khu vực hoạt động
Area Search

Điều nhiệt sinh học
Temperature Wave

Nhận biết ánh sáng
Sunlight Detection

Nhận biết không có người
Absence Detection

Vui lòng tham khảo trang 22 - 27.
Please refer to page 22-27.

INVERTER

ECONAVI chuyển dữ liệu sang INVERTER giúp điều chỉnh tốc độ quay của máy nén, giảm thiểu lãng phí điện năng và qua đó giảm chi phí tiền điện hàng tháng của gia đình bạn.

ECONAVI sends data to INVERTER which varies compressor speed accordingly, minimising energy consumption and subsequently reducing your electricity bill.

Vui lòng tham khảo trang 28 - 29.
Please refer to page 28-29.

nanoe-G

DIENLANHHANOI.COM.VN

HẠNH PHÚC LÀ KHÔNG PHẢI LO LẮNG VÌ NHỮNG ĐIỀU NHỎ NHẤT

HAPPY IS NOT WORRYING ABOUT LITTLE THINGS



Không khí chúng ta đang hít thở hàng ngày có những chất ô nhiễm kích thước nhỏ hơn 2.5 micromet (PM2.5). PM2.5 có trong khói thuốc, khói bụi ô nhiễm từ đời sống con người bao gồm khói thải xe cộ, khói thải từ nhà máy và cháy rừng.

The air we breathe contains pollutants less than 2.5 micrometers in size (PM2.5). PM2.5 can be found in smoke and haze which originates from combustion activities including motor vehicles, factories, and wood burning.

MỚI

- Loại bỏ 99%*¹ các chất ô nhiễm PM2.5
Nhờ có các hạt ion cực nhỏ kích cỡ nano, nanoe-G có thể loại bỏ các yếu tố gây hại có kích thước nhỏ hơn 2.5 micromet (PM2.5) trong không khí.
- Loại bỏ 99%*² các chất ô nhiễm trong không khí
- Vô hiệu hóa 99%*³ vi sinh vật bám dính trên bề mặt đồ đạc trong phòng
- Vô hiệu hóa 99%*⁴ vi khuẩn và virus bám tại màng lọc

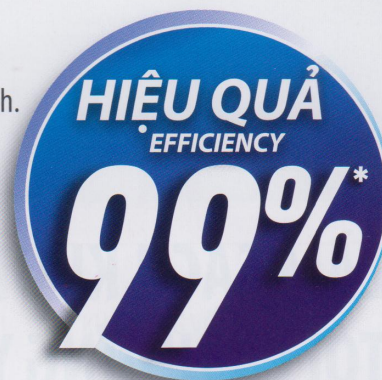
- Removes 99%*¹ of PM2.5

Thanks to nano-sized ions, nanoe-G can remove small pollutant particles smaller than 2.5 micrometers (PM2.5) in the air you breathe.

- Removes 99%*² airborne particles
- Deactivates 99%*³ adhesive micro-organisms
- Deactivates 99%*⁴ bacteria and viruses in filter

Với nanoe-G, bạn có thể tận hưởng bầu không khí tươi mát và trong lành.

With nanoe-G, you can enjoy a fresher and cleaner living environment for the whole family.



HIỆU QUẢ VỚI VI KHUẨN VÀ VIRUS

EFFECTIVE ON BACTERIA AND VIRUSE

*Vui lòng tham khảo trang 30-35
*Please refer to page 30-35

nanoe-G

1 CÁC TÁC NHÂN GÂY HẠI TRONG KHÔNG KHÍ

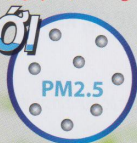
AIRBORNE

Loại bỏ các tác nhân gây hại trong không khí
Removal of airborne particles

LOẠI BỎ
99%
PM2.5,
Vi khuẩn, Virus
& Nấm mốc

Tác nhân gây hại trong không khí / Airborne particles:

MÔI



PM2.5



Vi khuẩn
Bacteria



Virus
Viruses



Nấm mốc
Mould

DIENLANHHANOI.COM.VN

nanoe-G bắt lấy các
các phân tử gây hại.
nanoe-G catches
airborne particles

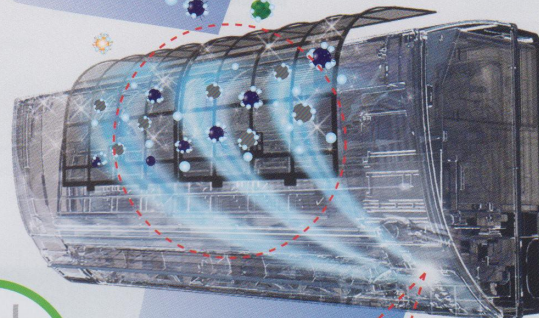
LÀM SẠCH KHÔNG GIAN SỐNG CỦA BẠN TỚI CẢ NHỮNG YẾU TỐ NHỎ NHẤT

PURIFIES YOUR LIVING SPACE DOWN TO THE SMALLEST DETAIL

Giờ đây, bạn có thể hoàn toàn yên tâm về một môi trường sống tươi mát và trong lành hơn, nhờ có nanoe-G.
Now, we can enjoy complete peace-of-mind with a living environment that is fresher and cleaner, thanks to nanoe-G.

3 KHẢ NĂNG
VÔ HIỆU HÓA TẠI MÀNG LỌC
IN-FILTER DEACTIVATION

VÔ HIỆU HÓA
99%*⁴
Vi khuẩn
& Virus



3 nghìn tỷ* hạt nanoe-G
được giải phóng.

3 trillion* nanoe-G fine particles
released from the generator.

DIENLANHHANOI.COM.VN

2 CÁC TÁC NHÂN
GÂY HẠI BẨM DÍNH
ADHESIVE

Vô hiệu hóa các tác nhân gây hại bám dính
Deactivates adhesive micro-organisms

VÔ HIỆU HÓA
99%*³
Vi khuẩn
& Virus



Gió ion tự nhiên phân tán các
hạt nanoe-G được giải phóng.

Natural Ion Wind spreads nanoe-G fine particles that are
released from the nanoe-G generator.

Lưu ý:

*3 nghìn tỷ hạt nanoe-G là con số ước lượng trong điều kiện
thí nghiệm tiêu chuẩn: Số lượng thực tế hạt nanoe-G
đo được tại giữa phòng (13m³): Số lượng hạt nanoe-G
tính được là 100k/cc trong toàn bộ phòng khi chúng được
phân bố đều.

Remark:

*3 trillion is the simulated number of nanoe-G fine particles under the mentioned conditions. Actual
measured nanoe-G fine particles at the centre of the room (13m³): 100k/cc calculated number of nanoe-G
fine particles in the entire room assuming they are evenly distributed.

MỚI

1 LOẠI BỎ CÁC TÁC NHÂN
GÂY HẠI TRONG KHÔNG KHÍ

REMOVAL OF AIRBORNE PARTICLES

Nanoe-G loại bỏ hiệu quả đến 99% tác nhân
PM2.5*¹ và các vi sinh vật*² như vi khuẩn,
virus & nấm mốc.

Nanoe-G can effectively remove up to 99% of PM2.5*¹ and
airborne particles*² such as bacteria, viruses and mould.

*1&*2 Vui lòng tham khảo trang 31 & 32
*1 & *2 Please refer to page 31 & 32

2 VÔ HIỆU HÓA CÁC TÁC NHÂN
GÂY HẠI BẨM DÍNH

DEACTIVATION OF ADHESIVE MICRO-ORGANISMS

Nanoe-G có thể vô hiệu hóa tới 99%*³
vi khuẩn, virus cũng như hạn chế nấm mốc
phát triển trên đồ vật xung quanh bạn.

Nanoe-G are able to deactivate up to 99%*³ of bacteria and
viruses and inhibit mould growth that settles on surfaces
around you.

*3 Vui lòng tham khảo trang 33
*3 Please refer to page 33

3 KHẢ NĂNG VÔ HIỆU HÓA
TẠI MÀNG LỌC

IN-FILTER DEACTIVATION

Vô hiệu hóa tới 99%*⁴ vi khuẩn và virus giữ
lại trong màng lọc.

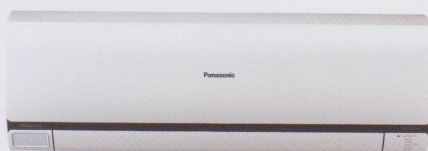
With In-filter Deactivation, nanoe-G deactivates 99%*⁴ of
bacteria and viruses trapped in the filter.

*4 Vui lòng tham khảo trang 34 & 35
*4 Please refer to page 34 & 35

CÁC DÒNG SẢN PHẨM

PRODUCT LINE-UP

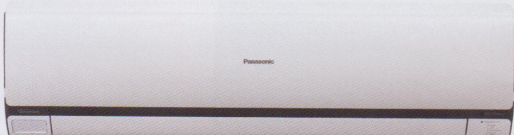
Loại treo tường | Máy Inverter Hai chiều sang trọng
Wall-Mounted | Inverter Deluxe Heat Pump Single-Split Type



CS-E9PKH-8 | CS-E12PKH-8



Điều khiển từ xa
Wireless



CS-E18PKH-8 | CS-E24PKH-8



Điều khiển từ xa
Wireless

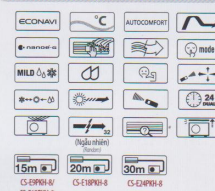
ĐIỀU HÒA 4mùa

INVERTER

ECONAVI

nanoe-G

Model Hai chiều
Heat Pump Models



THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

Làm lạnh / Cooling | Suối ấm / Heating (: Khỏi ngoài trời / : Outdoor Unit)

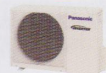
Model	(50Hz)	CS-E9PKH-8 (CU-E9PKH-8)	CS-E12PKH-8 (CU-E12PKH-8)	CS-E18PKH-8 (CU-E18PKH-8)	CS-E24PKH-8 (CU-E24PKH-8)
Công suất Làm lạnh/ Suối ấm Cooling / Heating Capacity	Btu/h	8,530 (2,860-10,200)	11,900 (3,140-13,600)	17,700 (3,750-20,500)	23,700 (4,770-29,000)
		11,600 (2,860-15,300)	13,600 (3,140-17,100)	21,700 (3,750-27,300)	27,300 (4,770-34,100)
	kW	2.50 (0.84-3.00)	3.50 (0.92-4.00)	5.20 (1.10-6.00)	6.95 (1.40-8.50)
EER/ COP	Btu/hW	14.3	12.3	11.9	10.9
		14.7	13.3	13.2	11.7
	W/W	4.2	3.6	3.5	3.2
Thông số điện Electrical Data	Điện áp Voltage	V	220	220	220
	Cường độ dòng Running Current	A	2.9	4.3	7.0
	Điện vào Power Input	W	595 (225-790)	970 (260-1,250)	1,490 (280-2,050)
Khử ẩm Moisture Removal	L/h	1.5	2.0	2.9	4.0
	Pt/h	3.2	4.2	6.1	8.5
Lưu thông khí (Indoor/Hi) Air Circulation (Indoor/Hi)	m ³ /phút. m ³ /min.	9.6	12.5	16.3	19.6
	ft ³ /phút. ft ³ /min.	340	440	575	690
		375	450	630	680
Kích thước Dimensions	Cao Height	mm	290 (542)	290 (542)	290 (795)
		inch	11-7/16 (21-11/32)	11-7/16 (21-11/32)	11-7/16 (31-5/16)
	Rộng Width	mm	870 (780)	870 (780)	1,070 (875)
		inch	34-9/32 (30-23/32)	34-9/32 (30-23/32)	42-5/32 (34-15/32)
	Sâu Depth	mm	214 (289)	214 (289)	240 (320)
		inch	8-7/16 (11-13/32)	8-7/16 (11-13/32)	9-15/32 (12-5/8)
Khối lượng tịnh Net Weight	kg	9 (35)	9 (36)	12 (45)	12 (66)
	lb	20 (77)	20 (79)	26 (99)	26 (146)
Đường kính ống dẫn Refrigerant Pipe Diameter	Ống lỏng Liquid Side	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4
	Ống gas Gas Side	mm	ø 9.52	ø 12.70	ø 15.88
Ống gas Pipe Extension		inch	3/8	1/2	5/8
	Chiều dài ống chuẩn Standard Pipe Length	m	7.5	7.5	7.5
	Chiều dài ống tối đa Maximum Pipe Length	m	15	15	20
	Chiều dài ống tối đa Maximum Pipe Length	m	15	15	20
	Lượng môi chất lạnh cần bổ sung* Additional Refrigerant Gas*	g/m	20	20	20
Nguồn cấp điện Power Supply		Khỏi ngoài trời Outdoor	Khỏi ngoài trời Outdoor	Khỏi ngoài trời Outdoor	Khỏi ngoài trời Outdoor

* Khi chiều dài ống không vượt quá chiều dài chuẩn, trong máy đã có đủ môi chất lạnh.
* When pipes are not extended from the standard pipe length, the required amount of refrigerant is already in the unit.

NGOÀI TRỜI / OUTDOOR



CU-E9PKH-8
CU-E12PKH-8



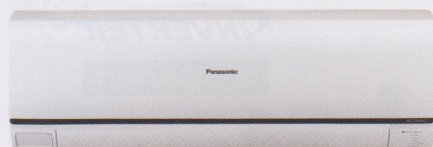
CU-E18PKH-8



CU-E24PKH-8



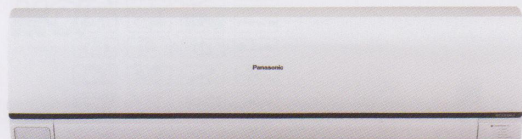
Loại treo tường | Máy Hai chiều sang trọng
Wall-Mounted | Deluxe Heat Pump Single-Split Type



CS-A9PKH-8 | CS-A12PKH-8



Điều khiển từ xa
Wireless



CS-A18PKH-8 | CS-A24PKH-8

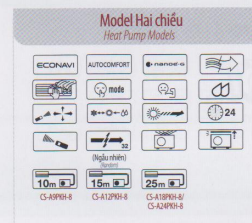


Điều khiển từ xa
Wireless

ĐIỀU HÒA 4mùa

ECONAVI

nanoe-G



THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

Sưởi ấm / Heating (): Khỏi ngoài trời / (): Outdoor Unit

Model	(50Hz)	CS-A9PKH-8 (CU-A9PKH-8)	CS-A12PKH-8 (CU-A12PKH-8)	CS-A18PKH-8 (CU-A18PKH-8)	CS-A24PKH-8 (CU-A24PKH-8)
Công suất Làm lạnh/ Sưởi ấm Cooling / Heating Capacity	Btu/h	9,040	12,000	18,400	21,500
		9,550	13,300	20,100	23,700
	kW	2.65	3.52	5.40	6.30
		2.80	3.90	5.90	6.95
EER/ COP	Btu/hW	10.5	10.6	9.6	9.0
		12.7	11.9	10.9	10.4
	W/W	3.1	3.1	2.8	2.6
		3.1	3.3	3.1	3.0
Thông số điện Electrical Data	Điện áp Voltage	220	220	220	220
	Cường độ dòng Running Current	A	4.0	5.2	8.0
	Điện vào Power Input	W	860	1,130	1,920
		750	1,120	1,850	2,400
Khử ẩm Moisture Removal	L/h	1.6	2.0	2.9	3.5
	Pt/h	3.4	4.2	6.1	7.4
Lưu thông khí (Indoor/HI) Air Circulation (Indoor/HI)	m³/phút m³/min.	10.2	10.8	16.4	18.6
		10.6	11.0	17.1	20.0
	ft³/phút ft³/min.	360	381	579	657
		374	388	604	706
Kích thước Dimensions	Cao Height	mm	290 (511)	290 (542)	290 (695)
		inch	11-7/16 (20-1/8)	11-7/16 (21-11/32)	11-7/16 (29-3/8)
	Rộng Width	mm	870 (650)	870 (780)	1,070 (875)
		inch	34-9/32 (25-19/32)	34-9/32 (30-23/32)	42-5/32 (34-15/32)
	Sâu Depth	mm	214 (230)	214 (289)	240 (320)
		inch	8-7/16 (9-1/16)	8-7/16 (11-13/32)	9-15/32 (12-5/8)
Khối lượng tịnh Net Weight	kg	9 (27)	9 (33)	12 (55)	12 (59)
	lb	20 (60)	20 (73)	26 (121)	26 (130)
Đường kính ống dẫn Refrigerant Pipe Diameter	Ống lỏng Liquid Side	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4
	Ống gas Gas Side	mm	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70
		inch	3/8	1/2	1/2
Ống gas Pipe Extension	Chiều dài ống chuẩn Chargeless Pipe Length	m	7.5	7.5	7.5
	Chiều dài ống tối đa Maximum Pipe Length	m	10	15	25
	Chênh lệch độ cao tối đa Maximum Elevation Length	m	5	5	20
	Lượng môi chất lạnh cần bổ sung* Additional Refrigerant Gas*	g/m	20	20	30
Nguồn cấp điện Power Supply		Khỏi trong nhà Indoor	Khỏi trong nhà Indoor	Khỏi trong nhà Indoor	Khỏi trong nhà Indoor

* Khi chiều dài ống không vượt quá chiều dài chuẩn, trong máy đã có đủ môi chất lạnh.
* When pipes are not extended from the standard pipe length, the required amount of refrigerant is already in the unit.

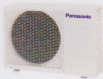
NGOÀI TRỜI / OUTDOOR

Blue Fin
Condenser

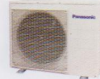
CU-A9PKH-8



CU-A12PKH-8



CU-A18PKH-8



CU-A24PKH-8



CÁC DÒNG SẢN PHẨM

PRODUCT LINE-UP

Loại treo tường | Máy Inverter Một chiều sang trọng
Wall-Mounted | Inverter Semi Deluxe Single-Split Type

MÔI



CS-TS9QKH-8 | CS-TS12QKH-8

Điều khiển từ xa
Wireless



MÔI



CS-TS18QKH-8 | CS-TS24QKH-8

Điều khiển từ xa
Wireless



INVERTER

ECONAVI

nanoe-G

Model Một chiều lạnh
Cooling Models



THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

(): Khỏi ngoài trời / (): Outdoor Unit

Model	(50Hz)	CS-TS9QKH-8 (CU-TS9QKH-8)	CS-TS12QKH-8 (CU-TS12QKH-8)	CS-TS18QKH-8 (CU-TS18QKH-8)	CS-TS24QKH-8 (CU-TS24QKH-8)
Công suất Làm lạnh Cooling Capacity	Btu/h kW	9,000 (2,860-9,310) 2.64 (0.84-2.73)	12,000 (3,140-12,100) 3.51 (0.92-3.55)	17,700 (3,750-19,000) 5.20 (1.10-5.57)	20,500 (3,820-23,200) 6.01 (1.12-6.80)
EER	Btu/hW W/W	11.4 3.3	11.3 3.3	10.9 3.2	10.8 3.2
Điện áp Voltage	V	220	220	220	220
Cường độ dòng Running Current	A	3.9	5.2	7.6	8.9
Điện vào Power Input	W	790 (235-830)	1,060 (320-1,080)	1,610 (300-1,750)	1,900 (330-2,220)
Khử ẩm Moisture Removal	L/h Pt/h	1.6 3.4	2.0 4.2	2.9 6.1	3.3 7.0
Lưu thông khí (Indoor/Hi) Air Circulation (Indoor/Hi)	m³/phút ft³/phút	10.1 355	10.5 370	17.7 625	18.1 640
Cao Height	mm inch	290 (511) 11-7/16 (20-1/8)	290 (542) 11-7/16 (21-11/32)	290 (619) 11-7/16 (24-3/8)	290 (695) 11-7/16 (27-3/8)
Kích thước Dimensions	Rộng Width	mm inch	870 (650) 34-9/32 (25-19/32)	870 (780) 34-9/32 (30-23/32)	1,070 (824) 42-5/32 (32-15/32)
Sâu Depth	mm inch	214 (230) 8-7/16 (9-1/16)	214 (289) 8-7/16 (11-13/32)	240 (299) 9-15/32 (11-25/32)	240 (320) 9-15/32 (12-5/8)
Khối lượng tịnh Net Weight	kg lb	9 (21) 20 (46)	9 (30) 20 (66)	12 (34) 26 (75)	12 (44) 26 (97)
Ống lỏng Liquid Side	mm inch	ø 6.35 1/4	ø 6.35 1/4	ø 6.35 1/4	ø 6.35 1/4
Đường kính ống dẫn Refrigerant Pipe Diameter	Ống gas Gas Side	mm inch	ø 9.52 3/8	ø 12.70 1/2	ø 15.88 5/8
Chiều dài ống chuẩn Standard Pipe Length	m	7.5	7.5	10	10
Chiều dài ống tối đa Maximum Pipe Length	m	15	15	20	20
Chênh lệch độ cao tối đa Maximum Elevation Length	m	5	5	15	15
Lượng môi chất lạnh cần bổ sung* Additional Refrigerant Gas*	g/m	15	15	20	20
Nguồn cấp điện Power Supply		Khỏi trong nhà Indoor	Khỏi trong nhà Indoor	Khỏi trong nhà Indoor	Khỏi trong nhà Indoor

Lưu ý với CS-TS9/TS12/TS18/TS24QKH-8 (quan trọng) Không sử dụng ống đồng có bề dày dưới 0,6mm / Caution For CS-TS9/TS12/TS18/TS24QKH-8 (Important) Please do not use copper pipes that are less than 0.6mm in thickness.

* Khi chiều dài ống không vượt quá chiều dài chuẩn, trong máy đã có đủ môi chất lạnh.
* When pipes are not extended from the standard pipe length, the required amount of refrigerant is already in the unit.

NGOÀI TRỜI / OUTDOOR

Blue Fin
Condenser

CU-TS9QKH-8



CU-TS12QKH-8



CU-TS18QKH-8



CU-TS24QKH-8



Loại treo tường
Wall-Mounted

Máy Một chiều tiêu chuẩn
Semi Deluxe Single-Split Type

MỚI



CS-KC9QKH-8 | CS-KC12QKH-8

Điều khiển từ xa
Wireless

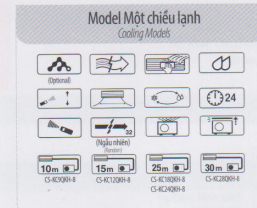


MỚI



CS-KC18QKH-8 | CS-KC24QKH-8 | CS-KC28QKH-8

Điều khiển từ xa
Wireless



THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

(): Khỏi ngoài trời / (): Outdoor Unit

Model	(50Hz)	CS-KC9QKH-8 (CU-KC9QKH-8)	CS-KC12QKH-8 (CU-KC12QKH-8)	CS-KC18QKH-8 (CU-KC18QKH-8)	CS-KC24QKH-8 (CU-KC24QKH-8)	CS-KC28QKH-8 (CU-KC28QKH-8)
Công suất Làm lạnh Cooling Capacity	Btu/h kW	9,040 2.65	11,900 3.49	18,400 5.40	22,800 6.68	26,900 7.90
EER	Btu/hW W/W	10.9 3.2	10.8 3.2	10.5 3.1	10.6 3.1	8.6 2.5
Điện áp Voltage	V	220	220	220	220	220
Cường độ dòng Running Current	A	3.8	5.1	8.2	10.0	14.3
Điện vào Power Input	W	830	1,100	1,750	2,160	3,120
Khử ẩm Moisture Removal	L/h Pt/h	1.6 3.4	2.0 4.2	2.9 6.1	3.8 8.0	4.6 9.7
Lưu thông khí (Indoor/Hi) Air Circulation (Indoor/Hi)	m³/phút. ft³/phút. m³/min. ft³/min.	10.5 371	11.1 392	16.9 597	20.2 680	20.2 680
Cao Height	mm inch	290 (511) 11-7/16 (20-1/8)	290 (542) 11-7/16 (21-11/32)	290 (619) 11-7/16 (24-3/8)	290 (619) 11-7/16 (24-3/8)	290 (750) 11-7/16 (29-17/32)
Kích thước Dimensions	Rộng Width	mm inch	850 (650) 33-15/32 (25-19/32)	850 (780) 33-15/32 (30-23/32)	1,070 (824) 42-5/32 (32-15/32)	1,070 (875) 42-5/32 (34-15/32)
Sâu Depth	mm inch	199 (230) 7-27/32 (9-1/16)	199 (289) 7-27/32 (11-13/32)	240 (299) 9-15/32 (11-25/32)	240 (299) 9-15/32 (11-25/32)	240 (345) 9-15/32 (13-19/32)
Khối lượng tịnh Net Weight	kg lb	8 (25) 18 (55)	8 (29) 18 (64)	12 (34) 26 (75)	12 (40) 26 (88)	12 (61) 26 (135)
Đường kính ống dẫn Refrigerant Pipe Diameter	Ống lỏng Liquid Side	mm inch	ø 6.35 1/4	ø 6.35 1/4	ø 6.35 1/4	ø 6.35 1/4
Ống gas Gas Side	mm inch	ø 9.52 3/8	ø 12.70 1/2	ø 15.88 5/8	ø 15.88 5/8	ø 15.88 5/8
Ống gas Pipe Extension	Chiều dài ống chuẩn Chargeless Pipe Length	m	7.5	7.5	7.5	7.5
Chiều dài ống tối đa Maximum Pipe Length	m	10	15	25	25	30
Chênh lệch độ cao tối đa Maximum Elevation Length	m	5	5	20	20	20
Lượng môi chất lạnh cần bổ sung* Additional Refrigerant Gas*	g/m	10	10	30	30	30
Nguồn cấp điện Power Supply		Khỏi trong nhà Indoor	Khỏi trong nhà Indoor	Khỏi trong nhà Indoor	Khỏi trong nhà Indoor	Khỏi trong nhà Indoor

* Khi chiều dài ống không vượt quá chiều dài chuẩn, trong máy đã có đủ môi chất lạnh.
* When pipes are not extended from the standard pipe length, the required amount of refrigerant is already in the unit.

NGOÀI TRỜI / OUTDOOR

Blue Fin
Condenser

Remarks: Applicable for
CU-KC9/KC12/KC28QKH-8

CU-KC9QKH-8



CU-KC12QKH-8



CU-KC18QKH-8/
CU-KC24QKH-8



CU-KC28QKH-8



SO SÁNH VÀ GIẢI THÍCH TÍNH NĂNG

FEATURES COMPARISON AND EXPLANATION

SO SÁNH TÍNH NĂNG

Features Comparison

Loại dàn rời
Split type

Model làm lạnh/ Sưởi ấm
Cooling/ Heating Models

Inverter Hai chiều sang trọng <i>Inverter Deluxe Heat Pump</i>		Hai chiều sang trọng <i>Deluxe</i>		Inverter Một chiều sang trọng <i>Inverter Semi Deluxe</i>		Một chiều tiêu chuẩn <i>Semi Deluxe</i>	
Loại treo tường /Wall-Mounted							
CS-E9PKH-8 CS-E12PKH-8	CS-E18PKH-8 CS-E24PKH-8	CS-A9PKH-8 CS-A12PKH-8	CS-A18PKH-8 CS-A24PKH-8	CS-TS9QKH-8 CS-TS12QKH-8	CS-TS18QKH-8 CS-TS24QKH-8	CS-KC9QKH-8 CS-KC12QKH-8	CS-KC18QKH-8 CS-KC24QKH-8 CS-KC28QKH-8
							

Thoải mái / Comfort

ECONAVI							
Điều nhiệt sinh học Temperature Wave							
AUTOCOMFORT							
Điều khiển inverter Inverter Control							
Làm lạnh không khô Mild Dry Cooling							
Chế độ chạy êm Quiet Mode							
Chế độ làm lạnh nhanh Powerful Mode							
Chế độ khử ẩm nhẹ Soft Dry Operation Mode							
Tạo chế độ gió thổi riêng Removal Airflow Option							
Điều khiển hướng gió thổi (lên và xuống) Auto Direction Control (Up & Down)							
Điều khiển hướng gió ngang bằng tay Removal Airflow Option (Horizontal)							
Chế độ tự động chuyển đổi nóng lạnh (model hai chiều nóng lạnh) Auto Changer Mode (Heat Pump)							
Chế độ hoạt động tự động (làm lạnh) Automatic Operation Mode (Cooling)							
Điều khiển khởi động nhanh Fast Start Control							

Không khí trong lành hơn / Cleaner Air

nanoe-G							
Màng lọc kháng khuẩn Anti-Bacterial Filter						(Tùy chọn)	(Tùy chọn)
Chức năng loại bỏ mùi khó chịu Odor-Removing Function							
Mặt máy tháo rửa được Removable Washable Panel							

Tiện dụng / Convenience

Hẹn giờ kép bật tắt 24 giờ 24-Hour On/Off & Off-Post Setting Timer							
Hẹn giờ bật tắt 24 giờ 24-Hour On & Off-Post Setting Timer							
Điều khiển từ xa không dây màn hình LCD LCD Wireless Remote Control							

Tin cậy / Reliability

Tự khởi động ngẫu nhiên (32 mẫu thời gian) (Bỏ nhốt) Random Auto Restart (32 Random Patterns)							
Đèn báo nhiệt màu xanh Blue LED Indicator							(KC28)
Đường ống dài (số chỉ chiều dài ống tối đa) Long Piping (Numbers indicate the maximum pipe length)	15m	20m (E18) 30m (E24)	10m (A9) 15m (A12)	25m	15m	20m	25m (KC18/KC24) 30m (KC28)
Cổng bảo trì ở phía trên Tap Panel Maintenance Access							
Chức năng tự bảo lỗi Self-Diagnosis Function							



Cảm biến ánh sáng
Sunlight Sensor

2 NHẬN BIẾT CƯỜNG ĐỘ ÁNH SÁNG

SUNLIGHT DETECTION

Điều chỉnh công suất làm lạnh và sưởi ấm tương ứng với các thay đổi cường độ ánh sáng mặt trời.
Adjusts cooling power to changes in sunlight intensity.



1 NHẬN BIẾT PHÒNG KHÔNG CÓ NGƯỜI

ABSENCE DETECTION

Giảm công suất làm lạnh và sưởi ấm khi vắng người.
Reduces cooling and heating power when you are not around.



5 TÍNH NĂNG TIẾT KIỆM ĐIỆN KẾT HỢP.

5 FEATURES
SAVING ENERGY ALL AT ONCE.

ECONAVI VỚI CẢM BIẾN ECO THÔNG MINH

ECONAVI WITH INTELLIGENT ECO SENSORS

Cảm biến Econavi thông minh nhận biết những tình huống gây lãng phí điện năng nhờ Cảm biến con người và Cảm biến ánh sáng. Cảm biến có khả năng xác định vị trí có người, chuyển động, khi nào phòng không có người cũng như cường độ ánh sáng. Nhờ đó máy tự động điều chỉnh công suất làm lạnh một cách hiệu quả mà vẫn duy trì liên tục cảm giác thoải mái tiện nghi.

ECONAVI Intelligent Sensors detect unconscious waste of energy using the Human Activity Sensor and Sunlight Sensor. It is able to monitor human location, movements, absence and sunlight intensity. It then automatically adjusts cooling power to save energy efficiently with uninterrupted comfort and convenience.

INTELLIGENT ECO SENSORS

ECONAVI

4 NHẬN BIẾT KHU VỰC HOẠT ĐỘNG

AREA SEARCH

Hướng luồng gió tới vị trí của bạn.
Directs airflow to wherever you are in the room.



5 NHẬN BIẾT MỨC HOẠT ĐỘNG

ACTIVITY DETECTION

Điều chỉnh công suất làm lạnh và sưởi ấm
tương ứng với các hoạt động hàng ngày của bạn.
Adapts cooling power to your daily activities.



3 ĐIỀU NHIỆT SINH HỌC

TEMPERATURE WAVE

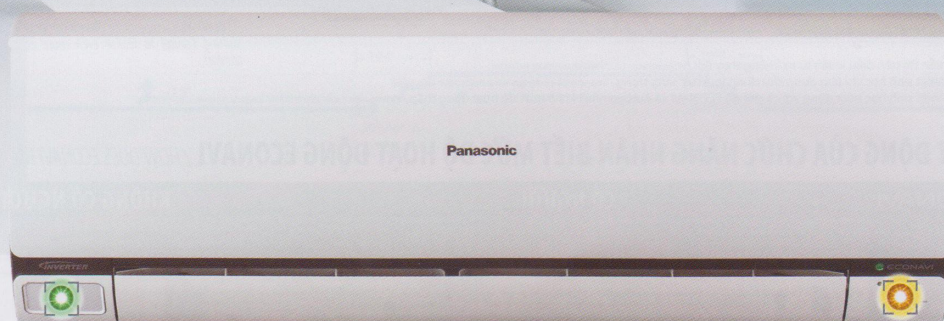
Mô hình kiểm soát nhiệt độ theo thân nhiệt để
tiết kiệm điện năng mà vẫn duy trì sự thoải mái.

Body temperature-controlled pattern to save energy while maintaining comfort.



Cảm biến con người
Human Activity Sensor

DIENLANHHANOI.COM.VN



Cảm biến
con người

Human Activity Sensor

Cảm biến
ánh sáng

Sunlight Sensor

CẢM BIẾN CON NGƯỜI / HUMAN ACTIVITY SENSOR

Cảm biến Econavi nhận biết hoạt động của người dùng và tình trạng phòng nhằm xác định những yếu tố gây ra lãng phí điện năng, sau đó điều chỉnh công suất làm lạnh tương ứng. Với cảm biến Eco thông minh, máy tự điều chỉnh tương ứng với những thay đổi về vị trí của người dùng, mức độ hoạt động, khi phòng không còn người và cường độ ánh sáng. Chỉ với một nút nhấn, cả 5 tính năng tiết kiệm điện được đồng loạt kích hoạt:

ECONAVI monitors activity and room conditions to detect where energy is normally wasted, then adjusts cooling power accordingly. With Intelligent Eco Sensors, it adjusts to changes in human movement, activity levels, absence and sunlight intensity. With a touch of a button, 5 energy saving features get activated:



Mức độ hoạt động giảm. Cảm biến xác định mức độ hoạt động thấp.
Level of activity is decreased. Detects low activity.



Máy tự chỉnh giảm công suất làm lạnh bằng cách tăng nhiệt độ cài đặt thêm 1°C.
Reduces cooling power by an amount equivalent to increasing the set temperature by 1 degree Celsius.



Không có người trong phòng. Cảm biến xác định không có người.
No one is in the room. Detects absence.



Máy từ từ giảm công suất làm lạnh bằng cách tăng nhiệt độ cài đặt thêm 2°C.
Gradually reduces cooling power by an amount equivalent to increasing the set temperature by 2 degrees Celsius.



Khi chỉ có một người trong phòng. Cảm biến xác định vùng làm lạnh bị lãng phí.
Only one person in the room. Detects wasted cooling area.



Máy từ từ giảm công suất làm lạnh khu vực không có người.
Reduces cooling the unoccupied area of the room.

Nhận biết mức hoạt động / Activity Detection

Econavi dò tìm những thay đổi về mức độ hoạt động và giảm lãng phí do **làm lạnh không cần thiết**.

ECONAVI detects changes in activity levels and reduces the waste of cooling with unnecessary power.

Nhận biết phòng không có người / Absence Detection

Econavi xác định khi nào phòng không có người và giảm lãng phí do **làm lạnh phòng không có người**.

ECONAVI detects human absence in the room and reduces the waste of cooling an empty room.

Nhận biết khu vực hoạt động / Area Search

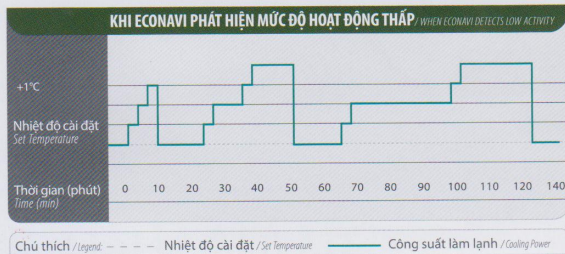
Econavi dò tìm những thay đổi về chuyển động của con người và cắt giảm lãng phí điện năng **làm lạnh khu vực không có người**.

ECONAVI detects changes in human movements and reduces the waste of cooling the unoccupied area of the room.

Điều nhiệt sinh học / Temperature Wave

Econavi với chức năng Điều nhiệt sinh học kết hợp mô hình điều khiển chuyển dịch nhiệt độ độc đáo cho phép **tiết kiệm điện hơn nửa mà không mất đi cảm giác thoải mái**.

ECONAVI with Temperature Wave incorporates a unique pattern of Temperature Shifting Control to realise even more energy savings without sacrificing comfort.



Lưu ý: Nhiệt độ cài đặt hiển thị trên điều khiển từ xa không thay đổi. / Set temperature on remote control display remains unchanged.

Chức năng Điều nhiệt sinh học chỉ ứng dụng cho dòng Inverter sang trọng. / Temperature Wave is only applicable to Inverter deluxe cooling models.

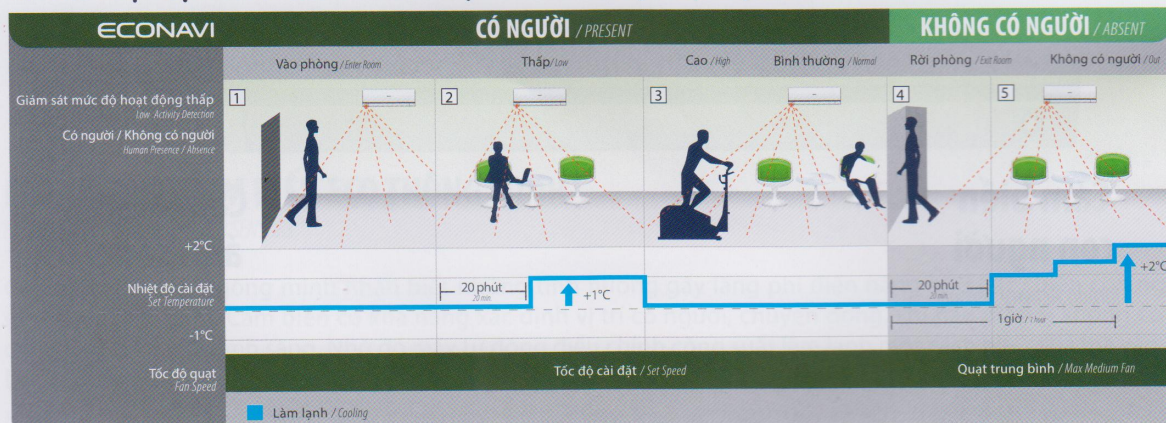
Chức năng Điều nhiệt sinh học hoạt động với cả chế độ ECONAVI và Autocomfort khi ở mức độ hoạt động thấp. / Temperature Wave works either in ECONAVI or Autocomfort mode during low activity.

Bù đắp nhiệt
Phản ứng sinh lý
Offset Thermal
Physiological Response

Nhiệt độ phòng trung bình (độ C)
Average Room Temperature (Celsius)
Nhịp thay đổi / Mức tăng nhiệt độ vào phải
Rhythm / Moderate temperature increase
Kết quả: Tiết kiệm điện năng hơn
Result: More energy saving

Chỉ số cảm giác nhiệt
Thermal Sensation Index (TSI)
Nhịp thay đổi / Mức tăng nhiệt độ vào phải
Rhythm / Moderate temperature increase
Kết quả: Duy trì nhiệt độ ở mức thoải mái*
Result: Maintain within the comfortable range*

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CHỨC NĂNG NHẬN BIẾT MỨC ĐỘ HOẠT ĐỘNG ECONAVI / HOW DOES ECONAVI HUMAN ACTIVITY WORKS?



CẢM BIẾN ÁNH SÁNG / SUNLIGHT SENSOR

Nhận biết cường độ ánh sáng / Sunlight Detection

ECONAVI nhận biết những thay đổi về cường độ ánh sáng mặt trời trong phòng và xác định thời điểm đó có nhiều nắng hay nhiều mây hoặc vào ban đêm, nhờ đó giảm lãng phí điện năng do **làm lạnh quá mức khi trời bớt nắng**.

ECONAVI detects changes in sunlight intensity in the room and judges whether it is sunny or cloudy/night. It reduces the waste of cooling under less sunlight conditions.



ECONAVI bật khi trời NẮNG
ECONAVI is switched on when it is SUNNY



ECONAVI đánh giá có thể giảm công suất làm lạnh
ECONAVI detects less cooling power is required



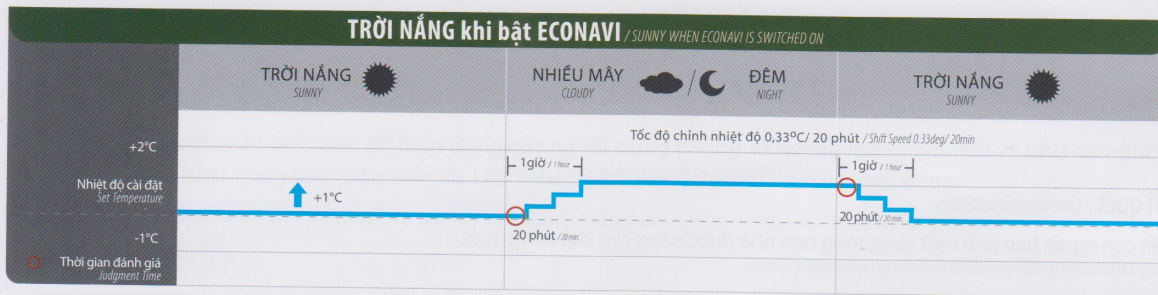
Nhiệt độ cài đặt không đổi. ECONAVI giảm công suất làm lạnh một lượng tương ứng với việc tăng nhiệt độ cài đặt thêm 1°C.
Set temperature remains unchanged. ECONAVI reduces cooling power by an amount equivalent to increasing the set temperature by 1 degree Celsius.

Khi thời tiết thay đổi từ nắng sang nhiều mây hoặc ban đêm, ECONAVI xác định cường độ ánh sáng giảm đi và đánh giá có thể giảm công suất làm lạnh. Nếu giữ nguyên công suất làm lạnh sẽ gây lãng phí điện năng. ECONAVI nhận thấy có lãng phí và giảm công suất làm lạnh một lượng tương ứng với việc tăng nhiệt độ cài đặt thêm 1°C.

When weather changes from sunny to cloudy/night, ECONAVI detects less sunlight intensity and determines less cooling power is required. If cooling power remains the same, energy will be wasted. ECONAVI detects this waste and reduces cooling power by an amount equivalent to increasing the set temperature by 1 degree Celsius.

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CẢM BIẾN ÁNH SÁNG ECONAVI?

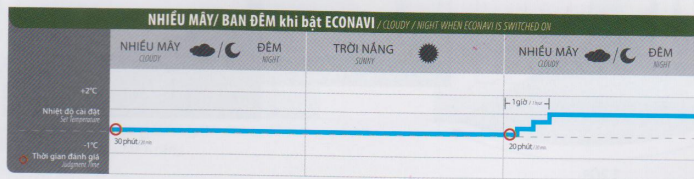
HOW DOES ECONAVI SUNLIGHT SENSOR WORKS?



Lưu ý / Remark:

Khi ECONAVI bật lúc trời nhiều mây hoặc ban đêm, nhiệt độ cài đặt sẽ giữ nguyên không đổi. Chỉ khi nào cảm biến xác định có sự thay đổi thời tiết từ nắng sang nhiều mây hoặc ban đêm, máy mới điều chỉnh công suất làm lạnh tương ứng.

When ECONAVI is switched on during cloudy/night, the temperature will be maintained at the set temperature. Only when the sensor detects a change from sunny to cloudy/night, it will adjust cooling power accordingly.

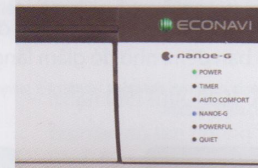


CẢM BIẾN CON NGƯỜI / HUMAN ACTIVITY SENSOR

Cảm biến chính xác cao / High-Precision Sensing

Mọi vật thể đều phát ra tia hồng ngoại. Dù vô hình nhưng chúng sẽ bị Cảm biến con người Econavi nhận biết nếu nằm trong phạm vi quét của Cảm biến. Khi vật thể di chuyển trong phạm vi quét của Cảm biến, Econavi so sánh nhiệt độ của vật thể đó với nhiệt độ phòng để xác định xem đó có phải là người không, cũng như mức độ hoạt động dựa trên chuyển động.

All objects emit infrared rays which, although invisible, can be detected as heat by ECONAVI's Human Activity Sensor if it is within the detection zone. When an object moves within its detection zone, ECONAVI compares the object's temperature with the room temperature to determine if it is human, and level of activity based on its movement.



Nhận biết tìm người trong phòng / Detecting Human Presence

Nhận biết mức độ hoạt động của người trong phòng / Determining the Level of Human Activity

Khác biệt về nhiệt độ Difference in temperatures	☒	Khác biệt về nhiệt độ Difference in temperatures	☒	Khác biệt về nhiệt độ Difference in temperatures	☒
Chuyển động Movement	☒	Chuyển động Movement	☒	Chuyển động Movement	☒

Phạm vi Scale	Tần suất Frequency	Tốc độ chuyển động Speed of Movement
---------------------------------	--------------------------------------	--

Không có chuyển động nào diễn ra trong vòng 20 phút
When there is no movement for over 20 min

Đưa ra kết luận chính xác dựa trên thuật toán phức tạp
A highly precise conclusion is reached through a complex algorithm

Kết luận không có người trong phòng
Concludes nobody is present

Kết luận không có người trong phòng
Concludes nobody is present

Kết luận không có người trong phòng
Concludes nobody is present

Cao / High

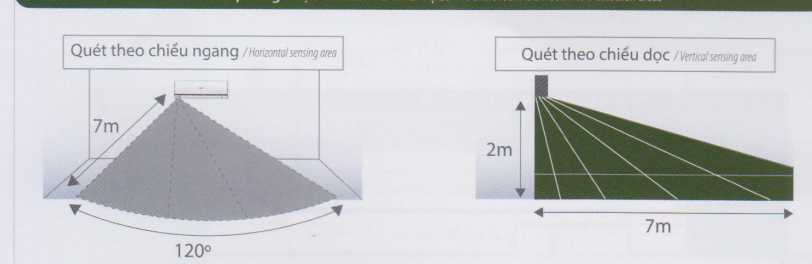
Bình thường / Normal

Kết luận mức độ hoạt động nhiều hay bình thường.
Concludes Level of Activity High or Normal

Phạm vi quét / Coverage Capabilities

Cảm biến con người bao phủ một vùng rộng hơn nhờ được nâng cấp khả năng quét.
Human Activity Sensor covers a wider area due to its improved area detection function.

Cả phòng được chia làm 3 khu vực / The entire room is divided into 3 detection areas



Lưu ý: Áp dụng cho cảm biến kép.
Remark: Applicable for dual sensor.

Phân biệt vật thể / Differentiating Objects

THIẾT BỊ ĐIỆN / ELECTRICAL PRODUCTS

Khác biệt về nhiệt độ
Difference in temperatures

+

Chuyển động
Movement

✗

✗

Kết luận không phải người / Concludes it is not human

CÔN TRÙNG / SMALL INSECTS

Khác biệt về nhiệt độ
Difference in temperatures

+

Chuyển động
Movement

✗

✗

Kết luận không phải người / Concludes it is not human

Có thể xác định những khác biệt này, tuy nhiên chúng quá nhỏ nên không thể gây tác động tới cảm biến.
Both changes may be detected, but they are too small to have any effect on the sensor.

QUẢ BÓNG LĂN / A ROLLING BALL

Khác biệt về nhiệt độ
Difference in temperatures

+

Chuyển động
Movement

✗

✗

Kết luận không phải người / Concludes it is not human

VẬT NUÔI / PETS

Khác biệt về nhiệt độ
Difference in temperatures

+

Chuyển động
Movement

✗

✗

Kết luận không phải người / Concludes it is not human*

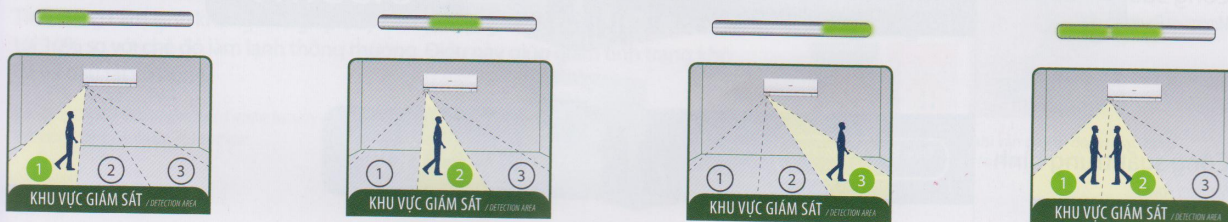
Từ sự khác biệt về nhiệt độ và bản chất tự nhiên về chuyển động của vật thể, ECONAVI có thể xác định được vật thể là con người hay không*.
From the difference in temperatures and the nature of the object's movement, ECONAVI can determine if it's human*.

*Trong trường hợp vật nuôi chuyển động trong phạm vi giám sát thì xác định như của người, cảm biến có thể nhầm lẫn là con người.
*In case of pet movement within the detection area, the sensor may at first mistake it for human movement.

Nguyên lý hoạt động của cảm biến / Sensor Detection Principle

Cảm biến con người nhận biết mức độ hoạt động của người trong phòng và hướng luồng gió thổi về phía có người hoặc khu vực có nhiều hoạt động hơn. Đèn hiển thị LED biểu thị ECONAVI đang dò tìm và hoạt động.

Human Activity Sensor detects human activity level and directs airflow to occupied or high activity zone. LED indicators indicating ECONAVI is detecting and functioning.



Lưu ý: Khi thấy có bất kỳ thay đổi nào về chuyển động trong phòng, sẽ có một độ trễ giữa đèn hiển thị LED sáng lên và thay đổi hướng gió thổi. Thiết lập này nhằm tránh cảnh gió đổi hướng quá nhảy và nhanh, không tiết kiệm được điện năng.

Remark: When detecting any change in movements, there will be a time delay between the LED indicator lighting up and a change of airflow direction. This is to avoid over-sensitive slower movements which will not contribute to energy savings.

Phân biệt vật thể / Differentiating Objects

THIẾT BỊ ĐIỆN / ELECTRICAL PRODUCTS

Khác biệt về nhiệt độ
Difference in temperatures

+

Chuyển động
Movement

✓

✗

Kết luận không phải người / Concludes it is not human

CÔN TRÙNG / SMALL INSECTS

Khác biệt về nhiệt độ
Difference in temperatures

+

Chuyển động
Movement

✓

✓

Có thể xác định những khác biệt này, tuy nhiên chúng quá nhỏ nên không thể gây tác động tới cảm biến.
Both changes may be detected, but they are too small to have any effect on the sensor.

Kết luận không phải người / Concludes it is not human

QUẢ BÓNG LĂN / A ROLLING BALL

Khác biệt về nhiệt độ
Difference in temperatures

+

Chuyển động
Movement

✗

✓

Kết luận không phải người / Concludes it is not human

VẬT NUÔI / PETS

Khác biệt về nhiệt độ
Difference in temperatures

+

Chuyển động
Movement

✓

✓

Từ sự khác biệt về nhiệt độ và bản chất tự nhiên về chuyển động của vật thể, ECONAVI có thể xác định được vật thể là con người hay không*.
From the difference in temperatures and the nature of the object's movement, ECONAVI can determine if it's human*.

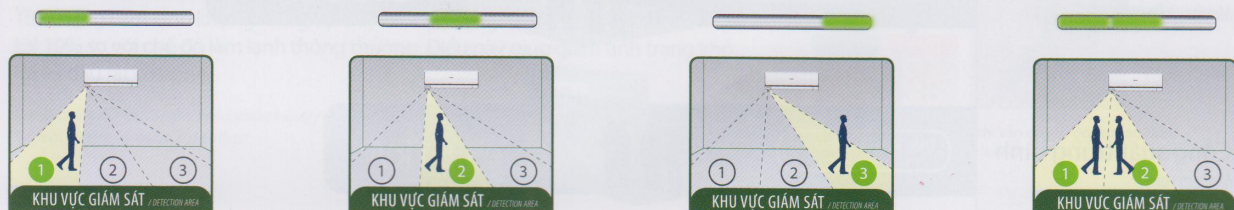
*Trong trường hợp vật nuôi chuyển động trong phạm vi giám sát với tốc độ giống như của người, cảm biến có thể nhầm lẫn vật nuôi là con người.
*In case of pet movements within the detection zone at the same speed as human movements, the sensor may mistake the pet for a human.

Kết luận không phải người* / Concludes "is not human"

Nguyên lý hoạt động của cảm biến / Sensor Detection Principle

Cảm biến con người nhận biết mức độ hoạt động của người trong phòng và hướng luồng gió thổi về phía có người hoặc khu vực có nhiều hoạt động hơn. Đèn hiển thị LED biểu thị ECONAVI đang dò tìm và hoạt động.

Human Activity Sensor detects human activity level and directs airflow to occupied or high activity zone. LED indicators indicating ECONAVI is detecting and functioning.



Lưu ý: Khi thấy có bất kỳ thay đổi nào về chuyển động trong phòng, sẽ có một độ trễ giữa đèn hiển thị LED sáng lên và thay đổi hướng gió thổi.

Thiết lập này nhằm tránh cảnh đảo gió đổi hướng quá nhạy và nhanh, không tiết kiệm được điện năng.

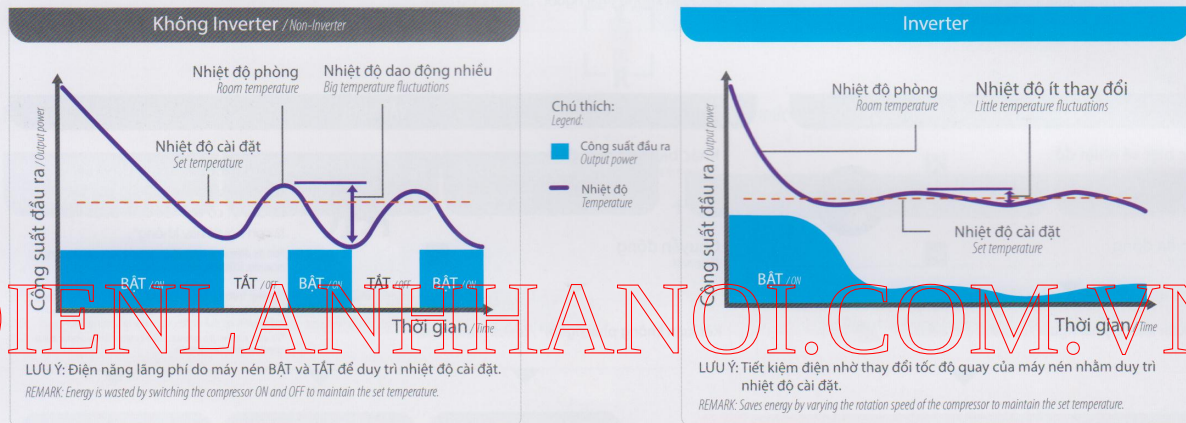
Remark: When detecting any change in movements, there will be a time delay between the LED indicator lighting up and a change of airflow direction.
This is to avoid over-sensitive slower movements which will not contribute to energy savings.

GIẢM TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG / REDUCES ELECTRICITY CONSUMPTION

Máy điều hòa không khí Inverter của Panasonic đem tới cho bạn khả năng tiết kiệm điện siêu hạng mà vẫn giúp bạn luôn luôn thoải mái. Máy điều hòa không khí thông thường chỉ vận hành với tốc độ máy nén không đổi, tiêu thụ một lượng điện quá nhiều chỉ để duy trì nhiệt độ cài đặt. Do đó, máy chỉ có thể bật và tắt máy nén liên tục. Điều này khiến nhiệt độ phòng dao động nhiều hơn, dẫn tới lãng phí điện năng. Máy điều hòa inverter của Panasonic thay đổi tốc độ quay của máy nén, duy trì ổn định nhiệt độ phòng.

Panasonic INVERTER air conditioners give you exceptional energy saving performance while ensuring you stay comfortable at all times. A conventional non-INVERTER air conditioner can only operate at a constant speed which is too powerful to maintain the set temperature. Thus, it switches the compressor on and off repeatedly. This results in wider temperature fluctuations leading to wasteful consumption of energy. The Panasonic INVERTER air conditioner varies the rotation speed of the compressor, providing a precise method of maintaining the set temperature.

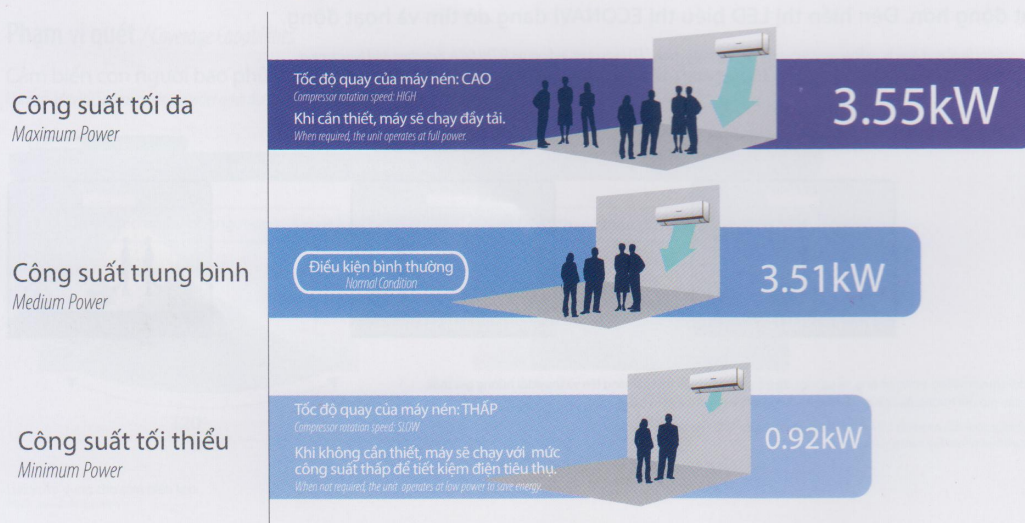
So sánh hoạt động / Performance Comparison



Luôn thoải mái / Constant Comfort

Điều khiển nhiệt độ chính xác với dải công suất đầu ra rộng hơn cho phép điều hòa không khí Inverter vận hành tương ứng với số người trong phòng, nhờ đó đem lại sự thoải mái không đổi.

Precise temperature control with a wide power output range enables an inverter air conditioner to meet different room occupancy levels – thus ensuring constant comfort.



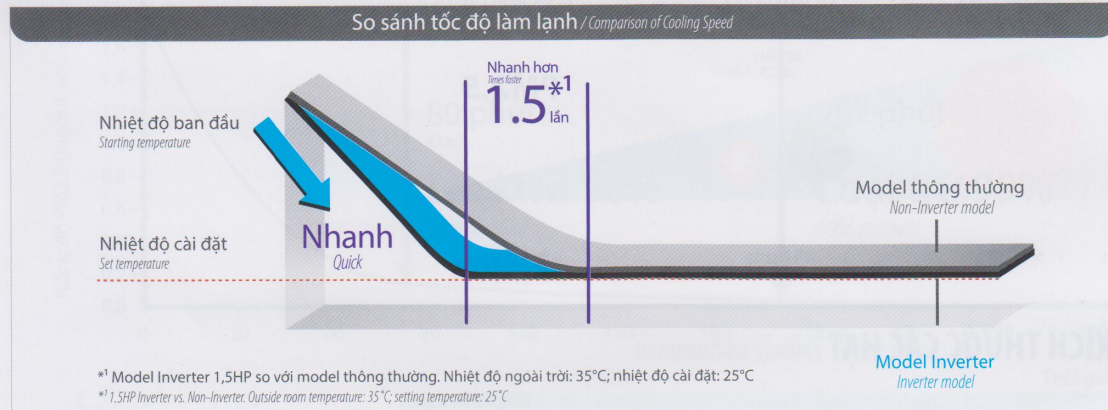
Hình minh họa biểu thị dải công suất ra rộng hơn của model Inverter 1,5HP ở chế độ làm lạnh.
Graph shows the 1.5HP Inverter model's wide power output range during cooling.



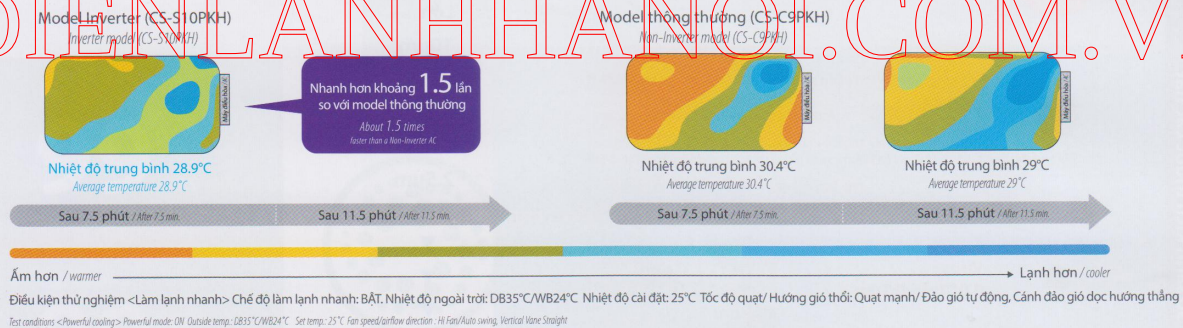
Làm lạnh nhanh / Quick Cooling

Máy điều hòa không khí Inverter của Panasonic có thể cho công suất làm lạnh lớn hơn và làm lạnh phòng nhanh hơn 1,5 lần so với model thông thường sau khi vừa khởi động.

Panasonic INVERTER air conditioners can operate with higher cooling power during the start up period to cool the room 1.5 times faster than Non-INVERTER models.



DIENLANHHA NOI.COM.VN



Làm lạnh không khô / Mild Dry Cooling

Tính năng Làm lạnh không khô giúp duy trì một lượng hơi ẩm tương đối cao hơn tới 10% so với chế độ làm lạnh thông thường. Điều này giúp giảm tình trạng khô da và đau rất cổ họng.

Mild dry cooling maintains a higher level of relative humidity of up to 10% compared to regular cooling operation.
This helps to reduce skin dryness and dry throat.

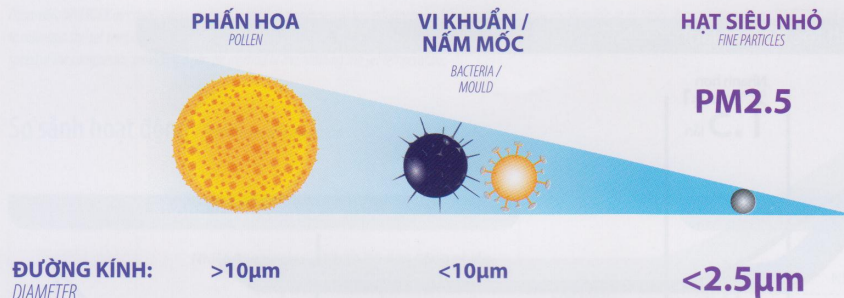


Nhiệt độ phòng thấp hơn trong khi vẫn duy trì độ ẩm cao hơn.
Lowers room temperature while maintaining high humidity.

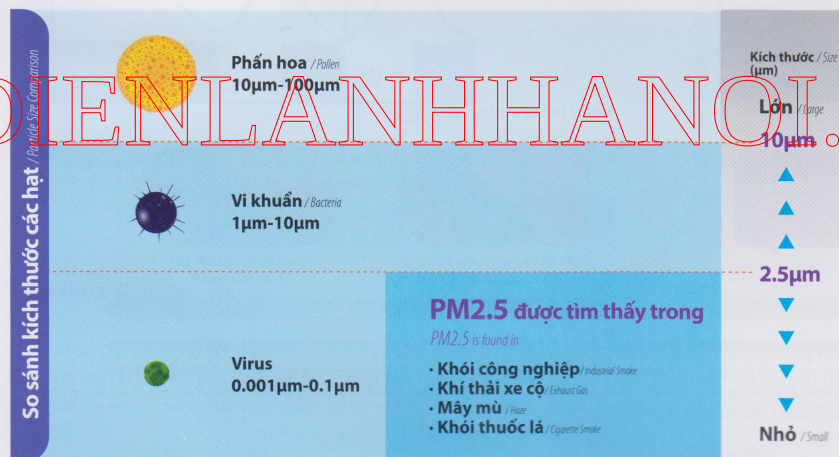
VỀ PM2.5 / ABOUT PM2.5

PM viết tắt của từ "Particulate matter", bao gồm vô số thành phần trong đó có cả những hạt rắn và hạt lỏng cực nhỏ. Kích thước của nó nhỏ cỡ 2.5 micromet (PM2.5). Những hạt cực nhỏ này gây nguy hại cho sức khỏe vì dễ dàng thâm nhập vào phổi chúng ta.

"Particulate matter," also known as PM is made up of a number of components including extremely small particles and liquid droplets. Sized at less than 2.5 micrometers (PM2.5), these particles are said to pose health problems as they can easily enter our lungs.



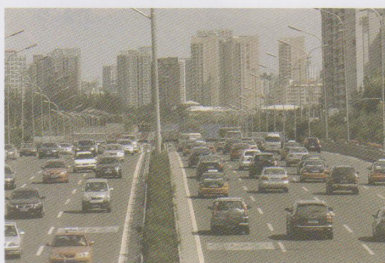
SO SÁNH KÍCH THƯỚC CÁC HẠT / PARTICLE SIZE COMPARISON



NGUỒN GỐC CỦA PM2.5 / SOURCES OF PM2.5

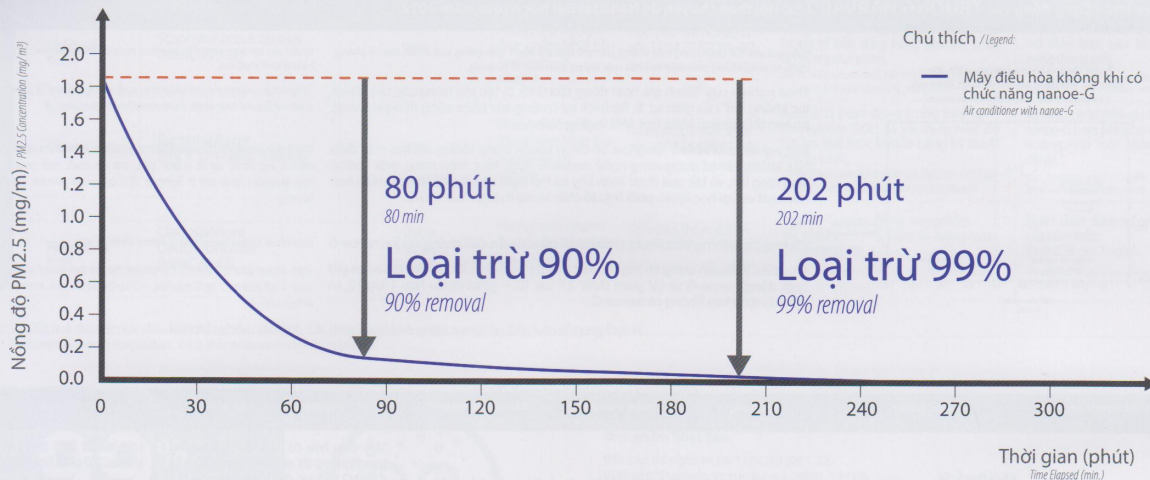
Có thể thấy PM2.5 lơ lửng trong không khí, bao gồm bụi, chất bẩn, khói và các hạt chất lỏng cực nhỏ. Các hạt cực nhỏ này bắt nguồn từ các hoạt động của con người như đốt cháy các nhiên liệu hóa thạch, cháy và các hoạt động chế tạo công nghiệp cũng như trong các quá trình tự nhiên, bao gồm hơi nước biển khuếch tán và bụi phát tán do gió mạnh.

PM2.5 can be found suspended in the air, including dust, dirt, smoke and liquid droplets. These fine particles come from man-made sources such as the combustion of fossil fuels, open burning and industrial processes as well as natural ones, which include sea sprays and dust carried by strong winds.



HIỆU QUẢ LOẠI TRỪ PM2.5 THEO THỜI GIAN / PM2.5 REMOVAL EFFICIENCY BASED ON TIME

Đo nồng độ PM2.5 / Serial Measurement of PM2.5 Concentration



DIENLANHHANOI.COM.VN

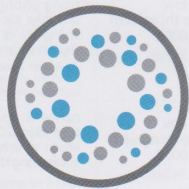
Các tác nhân gây hại trong không khí / Airborne

Loại trừ / Removes

99%^{*1}
PM2.5

Loại trừ / Removes

99%^{*2}
VI KHUẨN
VIRUS
và NẤM MỐC
BACTERIA, VIRUSES and MOULD



^{*1} Khả năng loại trừ PM2.5 được chứng nhận bởi Viện nghiên cứu FCG

• Báo cáo thí nghiệm số: 25034
PM2.5: Khói thuốc lá (đóng vai trò là PM2.5)

Tác dụng được đo trong khoảng 0.3µm-2.5µm, (kích thước xác định)

Hiệu quả loại trừ không được chứng thực với tất cả các hạt có hại trong không khí.

Mọi kết quả đo dựa trên điều kiện thử nghiệm.

Các thí nghiệm không phản ánh điều kiện sử dụng thực tế.

^{*2} Khả năng loại bỏ các vi sinh vật trong không khí được chứng nhận bởi Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato

• Báo cáo thí nghiệm số: 23_0182
Vi khuẩn: Staphylococcus aureus (NBRC 12732)

• Báo cáo thí nghiệm số: 22_0008
Virus : Escherichia coli phage (oX-174 ATCC 13706-B1)
: Virus cúm (H1N1) 2009

• Báo cáo thí nghiệm số: 23_0140
Nấm mốc: Penicillium pinophilum (NBRC 6345)

Mọi kết quả đo dựa trên điều kiện thử nghiệm.

Các thí nghiệm không phản ánh điều kiện sử dụng thực tế.

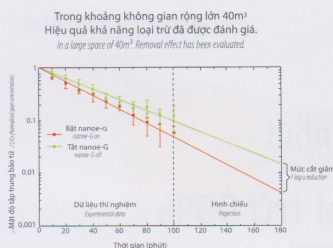
HIỆU QUẢ CỦA CÔNG NGHỆ LỌC KHÍ nanoe-G

THE EFFECTIVENESS OF nanoe-G

Các tác nhân gây hại trong không khí /Airborne

Dữ liệu về khả năng loại trừ vi khuẩn trong không khí được trình bày bởi các nhà nghiên cứu về Sức khỏe Cộng đồng của TRƯỜNG HARVARD tại Hội thảo chuyên đề Nano tại Đại học Kyoto, năm 2012.

Data on removal of airborne bacteria was presented by HARVARD SCHOOL of Public Health researchers at Nano-Symposium at Kyoto University, 2012.



Hiệu quả sau 100 phút trong một không gian thử nghiệm 40m³ (gần giống kích thước của 10 phòng chiếu tatami), không phải hiệu quả của một không gian thực tế sử dụng.

The effect after 100 minutes in a 40 m³ test space (about the size of a 10 tatami mat room), not the effect in a space where actually used.

Theo nghiên cứu "Đánh giá hoạt động của thiết bị tạo ion trong các sản phẩm lọc không khí" của giáo sư S. Rudnick tại Trường sức khỏe cộng đồng Harvard, phòng thí nghiệm khoa học Môi trường Nano.

"Performance evaluation of a novel ionizer for air purification applications", Dr. S. Rudnick et al. Harvard School of Public Health, Environmental Health Nanoscience Lab.

Một nghiên cứu về khả năng loại bỏ các vi khuẩn trong không khí của máy điều hòa không khí sử dụng công nghệ nanoe-G được thực hiện trong một không gian rộng lớn, và kết quả được trình bày tại Hội nghị chuyên đề Nano do Đại học Harvard và Đại học Kyoto phối hợp tổ chức trong tháng 9 năm 2012.

A study of the removal effect of airborne bacteria by using an air-conditioner incorporating nanoe-G was carried out in a large space, and the results were presented at Nano-Symposium jointly held in September 2012 by Harvard University and Kyoto University.

Phương pháp thí nghiệm: Phương pháp loại trừ vi khuẩn: Giải phóng các ion nanoe-G

Test methods: Bacteria removal method: Release of nanoe-G ions.

Mục tiêu: Vi khuẩn trong không khí, Kết quả thí nghiệm: Ước tính rằng sau ba giờ hoạt động, nanoe-G sẽ cắt giảm được 2,7 log 10, ~ giảm nhiều hơn 1 log 10, so với máy điều hòa không có nanoe-G.

Target: Airborne bacteria, Test results: It is estimated that after three hours of operation the nanoe-G will achieve 2.7 log10 reductions, ~ 1 log10 reduction more, as compared to without nanoe-G.

Đối tượng thí nghiệm Target Substance	Tên đối tượng Substance Name	Tác dụng Effectiveness	Phòng thí nghiệm Testing Institute	Báo cáo thí nghiệm Test Report No.	Phương pháp thí nghiệm Method	Kết quả Result
PM2.5	Khói thuốc lá (đồng vai trò như PM2.5) Cigarette Smoke (as PM2.5)	99%	Viện nghiên cứu FCG Research Institute, Inc	Báo cáo thí nghiệm số: 25034 Test Report No. 25034	Máy điều hòa có nanoe-G hoạt động trong phòng thí nghiệm (23m ³) và mật độ PM2.5 được đo bằng Máy đo bụi PM2.5 kỹ thuật số. The AC with nanoe-G was operated in a test room (23m ³) and the concentration of PM2.5 was measured by PM2.5 Digital Dustmeter.	Loại trừ tới 99% trong không khí sau 202 phút hoạt động. 99% removal from the air after 202 minutes of operation.
	Vi khuẩn Bacteria	99%	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato Kitasato Research Center for Environmental Science	KRCES-Bio, Báo cáo thí nghiệm số: 23_0182 KRCES-Bio Test Report No. 23_0182	Máy điều hòa có nanoe-G hoạt động trong phòng thí nghiệm (25m ³), thu thập mẫu sơ khí và đếm số lượng vi khuẩn. The AC with nanoe-G was operated in a test room (25m ³) and aerosol was collected and bacterial count was calculated.	Loại trừ tới 99% trong không khí sau 150 phút hoạt động. 99% removal from the air after 150 minutes of operation.
Virus	Escherichia coli phage (øX-174 ATCC 13706-B1)	99%	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato Kitasato Research Center for Environmental Science	KRCES-Env, Báo cáo thí nghiệm số: 22_0008 KRCES-Env Test Report No. 22_0008	Máy điều hòa có nanoe-G hoạt động trong phòng thí nghiệm (25m ³), thu thập các thể thực khuẩn trong không khí và tính toán số lượng thể thực khuẩn trong không khí. The AC with nanoe-G was operated in a test room (25m ³) and airborne phages were collected and phage count of the collected air was calculated.	Loại trừ tới 99% trong không khí sau 120 phút hoạt động. 99% removal from the air after 120 minutes of operation.
		99%	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato Kitasato Research Center for Environmental Science	KRCES-Env, Báo cáo thí nghiệm số: 22_0008 KRCES-Env Test Report No. 22_0008	nanoe-G hoạt động trong buồng thí nghiệm (200L), thu thập các thể thực khuẩn và tính toán số lượng thể thực khuẩn trong không khí. nanoe-G was operated in a test chamber (200 Litre) and the phages were collected and phage count of the collected air was calculated.	Loại trừ tới 99% trong không khí sau 5 phút hoạt động. 99% removal from the air after 5 minutes of operation.
					Nanoe-G hoạt động trong buồng thí nghiệm (200L), thu thập virus cúm và tính toán hàm lượng virus theo phương pháp Reed và Muench. nanoe-G was operated in a test chamber (200 Litre) and the influenza viruses were collected and the virus titers were calculated by the Reed and Muench method.	Loại trừ tới 99% trong không khí sau 5 phút hoạt động. 99% removal from the air after 5 minutes of operation.
	Virus cúm (H1N1) 2009 Influenza (H1N1) 2009 virus	99%	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato Kitasato Research Center for Environmental Science	KRCES-Env, Báo cáo thí nghiệm số: 22_0008 KRCES-Env Test Report No. 22_0008	Do sự nguy hiểm của virus cúm (H1N1) đối với sức khỏe con người, không thể làm thí nghiệm về tác dụng loại trừ virus cúm H1N1 trong phòng thí nghiệm rộng hơn (25m ³). Khi tiến hành thí nghiệm trong buồng thí nghiệm 200L, nanoe-G có thể giảm lượng virus cúm 2009 (H1N1) tới 99% sau 5 phút. Ngoài ra, khi thí nghiệm trong phòng rộng hơn (25m ³), nanoe-G có thể loại trừ 99.5% virus Cúm sau 120 phút. Kết quả thí nghiệm tại buồng thí nghiệm 200L đối với thể thực khuẩn có thể được dùng để đánh giá hiệu quả tác động tới virus cúm. Trong phòng thí nghiệm rộng hơn (25m ³), máy điều hòa không khí có thể loại trừ virus cúm hiệu quả giống như đối với thể thực khuẩn. In view of health hazard associated with spatial distribution of Influenza (H1N1) 2009 virus, nanoe-G removal effectiveness cannot be tested in large test room (25m ³). When tested in 200L test chamber, nanoe-G was able to decrease Influenza (H1N1) 2009 virus (99%) when it was operated for 5 minutes. Additionally when tested in larger test room (25m ³), nanoe-G can remove 99.5% of Cúm phage virus when operated for 120 minutes. It was validated that evaluation on the influenza virus could be speculated from the results on the phage according to the test results in a 200L test chamber. It appeared that the air-conditioners in a larger test room (25m ³) would be able to remove the influenza virus as effectively as the phage.	Loại trừ tới 99% trong không khí sau 90 phút hoạt động. 99% removal from the air after 90 minutes of operation.
Nấm mốc Mould	Penicillium pinophilum (NBRC 6345)	99%	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato Kitasato Research Center for Environmental Science	KRCES-Bio, Báo cáo thí nghiệm số: 23_0140 KRCES-Bio Test Report No. 23_0140	Máy điều hòa có nanoe-G hoạt động trong phòng thí nghiệm (25m ³), thu thập mẫu sơ khí và tính toán số lượng bào tử nấm. The AC with nanoe-G was operated in a test room (25m ³) and aerosol was collected and fungal spores count was calculated.	Loại trừ tới 99% trong không khí sau 90 phút hoạt động. 99% removal from the air after 90 minutes of operation.

Lưu ý: Các kết quả dựa trên các điều kiện thí nghiệm xác định. Các thí nghiệm không thể hiện điều kiện sử dụng thực tế.
Remark: All results are based on specific testing conditions. All tests are not demonstrated under actual usage situation.

Các tác nhân gây hại bám dính / Adhesive

Đối tượng thí nghiệm Target Substance	Tên đối tượng Substance Name	Tác dụng Effectiveness	Phòng thí nghiệm Testing Institute	Báo cáo thí nghiệm Test Report no.	Phương pháp thí nghiệm Method	Kết quả Result
Vi khuẩn Bacteria	Staphylococcus aureus (NBRC 12732)	99%	Phòng thí nghiệm thực phẩm Nhật Bản Japan Food Research Laboratories	Báo cáo thí nghiệm số: 11047933001-02 Test Report No. 11047933001-02	Máy điều hòa có nanoe-G hoạt động trong buồng thí nghiệm (10m ³), đếm số lượng tế bào sống bằng phương pháp đổ hộp (pour plate). The AC with nanoe-G was operated in a test space (10m ³) and viable cells were counted by pour plate method.	nanoe-G vô hiệu hóa tới 99% sau 24 giờ hoạt động (so sánh với điều kiện ban đầu/ chức năng thông gió). 99% inactivation after 24 hour operation of nanoe-G (compared to the original condition/ ventilation mode)
Virus	Bacteriophage (Phi X 174 NBRC 103405)	99%	Phòng thí nghiệm thực phẩm Nhật Bản Japan Food Research Laboratories	Báo cáo thí nghiệm số: 11073649001-02 Test Report No. 11073649001-02	nanoe-G hoạt động trong buồng thí nghiệm (90L) và xác định mức độ lây lan thể thực khuẩn bằng kỹ thuật màng bám. nanoe-G was operated in a test box (90 Litre) and phage infectivity titer was determined by plaque technique.	Vô hiệu hóa tới 99% sau 120 phút nanoe-G hoạt động (so sánh với trường hợp máy không hoạt động). 99% inactivation after 120 minutes operation of nanoe-G (compared to non-operation)
Nấm mốc Mould	Cladosporium cladosporioides (NBRC 6348)	Inhibit Mould Growth	Phòng thí nghiệm thực phẩm Nhật Bản Japan Food Research Laboratories	Báo cáo thí nghiệm số: 11047937001-02 Test Report No. 11047937001-02	nanoe-G hoạt động trong hộp thí nghiệm (1m ³), đếm số lượng cụm khuẩn trên đĩa. nanoe-G was operated in a test box (1m ³) and colonies on the plate were counted.	Ngăn chặn được sự phát triển của nấm mốc. (hơn 85% sau 7 ngày). The growth of the subject was inhibited (>85% after 7 days).

Chú ý: Các kết quả dựa trên các điều kiện thí nghiệm xác định. Các thí nghiệm không đặc trưng cho điều kiện sử dụng thực tế.
Remark: All results are based on specific testing conditions. All tests are not demonstrated under actual usage situation.

Vô hiệu hóa tới / Inactivates

99% ^{*3}

VI KHUẨN
và VIRUS
BACTERIA and VIRUSES

Ngăn NẤM MỐC phát triển
Inhibits Mould Growth

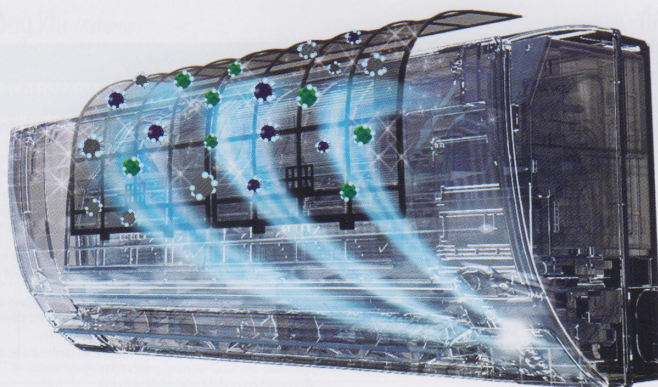


***3 Hiệu quả vô hiệu hóa các phân tử bám dính được chứng nhận bởi Phòng thí nghiệm thực phẩm Nhật Bản.**

- Báo cáo thí nghiệm số: 11047933001-02
Vi khuẩn: Staphylococcus aureus (NBRC 12732)
- Báo cáo thí nghiệm số: 11073649001-02
Virus: Bacteriophage (Phi X 174 NBRC 103405)
- Báo cáo thí nghiệm số: 11047937001-02
Nấm mốc: Cladosporium cladosporioides (NBRC 6348)

Các kết quả dựa trên điều kiện thí nghiệm xác định.
Thí nghiệm không thể hiện điều kiện sử dụng thực tế.

nanoe-G



DIỆT KHUẨN TẠI MÀNG LỌC ĐƯỢC THỰC HIỆN NHƯ THẾ NÀO?

HOW DOES IN-FILTER DEACTIVATION WORK?

DIENLANHHA NOI.COM.VN

1. Tắt nguồn điện / Power "Off"	2. Hoạt động của quạt / Fan Operation	3. Hoạt động của nanoe-G / nanoe-G Operation	4. Khả năng vô hiệu hóa / Deactivation Effect
Trước tiên máy điều hòa được tắt. <i>The air-conditioner first has to be turned off.</i> Lưu ý: Nguồn điện phải được duy trì trong toàn bộ quá trình. <i>Remark: Main power must be switched on for the entire duration.</i>	Quạt sẽ tự động chạy trong 30 phút với cánh đảo gió hơi mở nhằm đảm bảo các bộ phận bên trong được khô ráo và không bị ngưng tụ nước. <i>The fan operation will run automatically for 30 minutes with the louver slightly open to ensure the internal components are dry and free from condensation.</i> Lưu ý: Cơ chế hoạt động 30 phút của quạt chỉ áp dụng cho trường hợp máy điều hòa đang hoạt động ở chế độ Làm lạnh/Khử ẩm. <i>Remark: The 30-minute fan operation is only applicable when the unit has been operated in COOL / DRY mode.</i>	Gió thổi phát tán các hạt nanoe-G được giải phóng. <i>Natural Ion Wind spreads nanoe-G particles that are released from the nanoe-G generator.</i>	nanoe-G vô hiệu hóa vi khuẩn và virus bị giữ lại tại màng lọc trong vòng 2 giờ. <i>nanoe-G deactivates bacteria and viruses that are trapped in the filter within 2 hours.</i>
Quạt: Bật <i>Fan Operation: On</i> Cánh đảo gió: Góc đảo gió thấp <i>Louver: Low Louver Angle</i> Đèn báo nanoe-G: Bật <i>nanoe-G LED: On</i>			Quạt: Tắt <i>Fan Operation: Off</i> Cánh đảo gió: Đóng <i>Louver: Closed</i> Đèn báo nanoe-G: Bật <i>nanoe-G LED: On</i>
Lưu ý: Tùy thuộc vào thời gian hoạt động tích lũy của máy điều hòa, cơ chế vô hiệu hóa bằng nanoe-G ngay tại màng lọc có thể được kích hoạt chỉ một lần mỗi ngày. <i>Remark: Depending on the Air Conditioner's accumulated operation time, nanoe-G In-Filter Deactivation may be activated only once a day.</i>			

HIỆU QUẢ DIỆT KHUẨN CỦA nanoe-G

THE EFFECTIVENESS OF nanoe-G

Ngay tại màng lọc / In-filter Deactivation

Đối tượng thí nghiệm Target Substance	Tên đối tượng Substance Name	Tác dụng Effectiveness	Phòng thí nghiệm Testing Institute	Báo cáo thí nghiệm Test Report no	Phương pháp thí nghiệm Method	Kết quả Result
Vi khuẩn Bacteria	<i>Staphylococcus aureus</i> (NBRC 12732)	99%	Phòng thí nghiệm thực phẩm Nhật Bản Japan Food Research Laboratories	Báo cáo thí nghiệm số: 12037932001 Test Report No. 12037932001	Mẫu thí nghiệm chứa vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> được đặt vào màng lọc trong khối trong nhà của máy điều hòa, sau đó chức năng nanoe-G được kích hoạt. Tiến hành đếm số lượng tế bào sống sau khi thu thập mẫu thử. *Đối tượng thí nghiệm được đặt tại 4 vị trí trên màng lọc: trên/ dưới bên phải và trên/ dưới bên trái. The test piece impregnated with <i>Staphylococcus aureus</i> was placed on the filter of the Air Conditioner indoor unit, and then nanoe-G was operated. After the test piece was collected, viable cells were counted. * Test substance was placed on the 4 locations of the filter: upper/lower right and upper/lower left.	Vô hiệu hóa tới 99% sau 2 giờ nanoe-G hoạt động. 99% of deactivation after 2-hour nanoe-G operation.
	<i>Escherichia coli</i> phage (oX-174 ATCC 13706-B1)	99%	Phòng thí nghiệm thực phẩm Nhật Bản Japan Food Research Laboratories	Báo cáo thí nghiệm số: 12014705001 Test Report No. 12014705001	Mẫu thí nghiệm chứa vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> được đặt vào màng lọc trong khối trong nhà của máy điều hòa, sau đó chức năng nanoe-G được kích hoạt. Tiến hành xác định mức độ lây lan thực thể khuẩn sau khi thu thập mẫu thử. *Đối tượng thí nghiệm được đặt tại 4 vị trí trên màng lọc: trên/ dưới bên phải và trên/ dưới bên trái. The test piece impregnated with <i>Escherichia coli</i> phage was placed on the filter of the Air Conditioner indoor unit, and then nanoe-G was operated. After the test piece was collected, phage infectivity titer was determined. * Test substance was placed on the 4 locations of the filter: upper/lower right and upper/lower left.	Vô hiệu hóa tới 99% sau 2 giờ nanoe-G hoạt động. 99% of deactivation after 2-hour nanoe-G operation.
Virus	Virus cúm (H1N1) 2009 Influenza (H1N1) 2009 Virus	Trung bình tới 90% bên trong màng lọc (tỷ lệ nằm trong khoảng 78,9% tới 96,1% tùy thuộc vào từng vị trí của màng lọc). Average 90% deactivation (The percentage varies from 78.9% to 96.1% depending on its location)	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato Kitasato Research Center for Environmental Science	KRCES-Virus. Báo cáo thí nghiệm số: 24_0013 KRCES-Virus Test Report No. 12014705001	Mẫu thí nghiệm chứa virus cúm (H1N1) 2009 được đặt vào màng lọc trong khối trong nhà của máy điều hòa, sau đó chức năng nanoe-G được kích hoạt. Tiến hành xác định mức độ lây lan của virus sau khi thu thập mẫu thử. *Đối tượng thí nghiệm được đặt tại 4 vị trí trên màng lọc: trên/ dưới bên phải và trên/ dưới bên trái. The test piece impregnated with Influenza (H1N1) 2009 Virus was placed on the filter of the Air Conditioner indoor unit, and then nanoe-G was operated. After the test piece was collected, virus infectivity titer was determined. * Test substance was placed on the 4 locations of the filter: upper/lower right and upper/lower left.	Vô hiệu hóa trung bình tới 90% sau 2 giờ nanoe-G hoạt động (tỷ lệ nằm trong khoảng 78,9% tới 96,1% tùy thuộc từng vị trí trên màng lọc). Average 90% deactivation after 2-hour nanoe-G operation. (The percentage varies from 78.9% to 96.1% depending on its location on filter).

Lưu ý: Các kết quả dựa trên các điều kiện thí nghiệm xác định. Các thí nghiệm không thể hiện điều kiện sử dụng thực tế.
Remark: All results are based on specific testing conditions. All tests are not demonstrated under actual usage situation.

Ngay tại màng lọc / In-filter Deactivation

Vô hiệu hóa tới / Deactivates

99% ^{*4}

VI KHUẨN
BACTERIA

Vô hiệu hóa
trung bình tới
Deactivates Average

90%

VIRUS CÚM
(H1N1) 2009
INFLUENZA (H1N1) 2009 VIRUS

****Hiệu quả vô hiệu hóa tại màng lọc được chứng nhận bởi Phòng thí nghiệm thực phẩm Nhật Bản**

- Báo cáo thí nghiệm số: 12037932001
Vi khuẩn: *Staphylococcus aureus* (NBRC 12732)
- Báo cáo thí nghiệm số: 12014705001
Virus: *Escherichia coli* phage (oX-174 ATCC 13706-B1)

Các kết quả dựa trên điều kiện thí nghiệm xác định.
Thí nghiệm không thể hiện điều kiện sử dụng thực tế.

Hiệu quả vô hiệu hóa tại màng lọc được chứng nhận bởi Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato

- Báo cáo thí nghiệm số: KRCES-Virus Test Report No. 24_0013
Virus: Virus cúm (H1N1) 2009

Các kết quả dựa trên điều kiện thí nghiệm xác định.
Thí nghiệm không thể hiện điều kiện sử dụng thực tế.

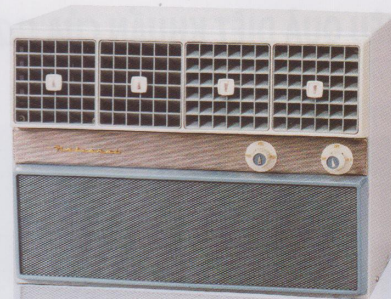


Tin cậy

Reliability

Bộ phận R&D (nghiên cứu và phát triển) của chúng tôi tập trung vào tính dễ sử dụng, và truyền thống quản lý chất lượng nổi tiếng nghiêm ngặt nhất trong ngành công nghiệp điện lạnh. Kết quả là, với hơn 50 năm kinh nghiệm, Panasonic đã cung cấp hơn 70 triệu máy điều hòa không khí tại Nhật Bản.

Our R&D focuses on ease of use, and our history of rigorous quality control is unmatched in the industry. As a result, with more than 50 years of experience, Panasonic has sold over 70 million air conditioner units in Japan and around the world.

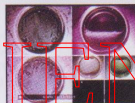


1958

Sản phẩm "Home Cooler" đầu tiên của chúng tôi ra đời. Our first "Home Cooler" is launched.

Thử nghiệm hoạt động trong điều kiện khắc nghiệt

Operating Test in Harsh Conditions



Kiểm tra tình trạng dầu lọc trong điều kiện cực lạnh và cực nóng.

Thử nghiệm độ bền được tiến hành trong buồng thử nghiệm ở nhiệt độ cao, độ ẩm cao với nhiệt độ lên tới 55°C và nhiệt độ thấp xuống tới 20°C.

An operating durability test is conducted in a high-temperature, high-humidity test chamber at a temperature of up to 55°C and a low-temperature test chamber down to 20°C.

Thử nghiệm môi trường thật

Environmental Test



Mô phỏng ánh nắng mặt trời.

Máy điều hòa hoạt động trong phòng thử nghiệm giả lập như phòng khách để kiểm tra tốc độ làm lạnh, hiệu suất làm lạnh, sai lệch về nhiệt độ và độ ẩm trong phòng.

An air conditioner is operated in a test room simulating a living room testing cooling speed, cooling efficiency, and temperature and humidity differences throughout the room.

Thử nghiệm độ ồn

Noise Test

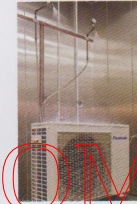


Độ ồn của khối trong nhà và khối ngoài trời được đo trong phòng thí nghiệm âm thanh chính xác cao. Thí nghiệm về độ ồn cho thấy độ ồn khi máy làm việc cho phép người sử dụng nói chuyện và ngủ thoải mái trong khi máy đang làm việc.

The operating noise of the indoor and outdoor units is measured in a high-performance anechoic chamber. The noise test verifies that the operating noise is low enough to allow the user to talk and sleep comfortably while the product is operating.

Thử nghiệm chịu nước

Waterproof Test



Phủ nhựa Bo mạch.

Các vấn đề có thể phát sinh được kiểm tra qua các thí nghiệm như phun nước lên máy trong thời gian định trước. Điểm tiếp xúc trên bo mạch in được phủ nhựa để tránh hư hỏng khi nước nhỏ vào.

Potential problems are checked by tests such as showering the unit for a predetermined amount of time. Contact sections on printed circuit boards are also resin-potted to prevent adverse effects caused by an unlikely exposure of droplets to water.

- Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn lắp đặt trước khi lắp đặt máy, và đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.
- Nội dung trong catalog này chính xác tới thời điểm tháng 12 năm 2013.
- Do quá trình in ấn, màu sắc sản phẩm thật có thể khác với màu trong catalog.
- Hình ảnh trong catalog chỉ nhằm mục đích minh họa.

Please read the installation instructions carefully before installing the unit, and the Operating Instructions before using it.
Specifications are subject to change without prior notice.
The contents of this catalogue are accurate as of December 2013.
Due to printing considerations, the actual colours may vary slightly from those shown.
All graphics are provided merely for the purpose of illustrating a point.



Không thêm hoặc thay thế môi chất lạnh bằng loại khác với quy định. Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm đối với những hư hại hoặc ảnh hưởng tới an toàn do việc sử dụng môi chất lạnh không đúng.

Do not add or replace refrigerant other than the specified type. Manufacturer is not responsible for the damage and deterioration in safety due to usage of other refrigerant.



Malaysia, Thailand, Philippines & Hong Kong

Tốt nhất / The best among the rest

Giải thưởng Thương hiệu được ưa thích nhất năm 2013 của Tạp chí Reader's Digest.
Awarded Asia Trusted Brand 2013 by Reader's Digest

Năm nay, sản phẩm máy điều hòa không khí Panasonic vinh dự nhận được giải thưởng Thương hiệu được ưa thích nhất của Tạp chí Reader's Digest dựa trên 6 tiêu chí: đáng tin cậy, chất lượng, giá trị, thấu hiểu nhu cầu người tiêu dùng, cải tiến và trách nhiệm với xã hội. Xin cảm ơn sự giúp đỡ của Quý khách hàng trong suốt những năm qua. Chúng tôi hi vọng tiếp tục cung cấp những sản phẩm tiên tiến trong tương lai sắp tới.

This year, Panasonic Air Conditioners received Reader's Digest Asia Trusted Brand Award based on 6 key attributes: trustworthiness and credibility, quality, value, understanding of consumer needs, innovation and social responsibility. Thank you for your continuing support over the years and we look forward to delivering more innovative products in the future.

AC-VN



18001593

hoặc (04) 376 77360
Tư 8h15 - 17h30 Thứ 2 đến thứ 7

TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG - TƯ VẤN MIỄN PHÍ CÁC DỊCH VỤ
Hỗ Trợ Trước và Sau Mua Hàng • Tư Vấn, Hướng Dẫn Sử Dụng Sản Phẩm • Giải Quyết Các Thắc Mắc, Khiếu Nại của Khách Hàng

www.panasonic.com.vn

GIẢI THÍCH CÁC CHỨC NĂNG

FEATURES EXPLANATION

Không khí trong lành hơn / Cleaner Air

nanoe-G

Nanoe-G vô hiệu hóa các tác nhân ô nhiễm trong không khí, kể cả các chất PM2.5, các chất bám dính trên đồ đạc và các vi sinh vật bị giữ lại tại màng lọc như vi khuẩn, virus và nấm mốc, đảm bảo một môi trường sống trong lành hơn.

nanoe-G works effectively on airborne particles including PM2.5, adhesive and in-filter micro-organisms such as bacteria, viruses and mould ensuring a cleaner living environment.

Màng lọc kháng khuẩn / Anti-Bacterial Filter

Màng lọc kháng khuẩn kết hợp ba yếu tố trong một chống tác nhân gây dị ứng, chống virus và diệt khuẩn nhằm đem lại một bầu không khí trong sạch.

The Anti-Bacterial Filter combines three effects in one: anti-allergen, anti-virus and anti-bacteria protection to provide clean air.

Chức năng loại bỏ mùi khó chịu

Odour-Removing Function

Với tính năng này, sẽ không còn những mùi khó chịu phát sinh khi máy khởi động. Bởi quyết định là do cánh quạt không quay trong một lúc, trong khi nguồn phát sinh mùi trong máy điều hòa bị ngăn chặn.

With this function, there's no unpleasant odour when the unit starts up. That's because the fan remains off momentarily, while the source of the odour inside the air conditioner is suppressed.

Máy phải ở chế độ làm lạnh hoặc khử ẩm, và tốc độ quạt được đặt tự động. The unit must be in cool or dry mode and the fan speed must be set to automatic.

Mặt máy tháo ra và rửa được

Removable, Washable Panel

Thoải mái / Comfort

ECONAVI

Đò tìm và giảm thiểu lãng phí điện năng, đem lại hiệu quả tiết kiệm điện.

Detects and reduces waste for more energy savings.

Điều nhiệt sinh học / Temperature Wave

Các mẫu kiểm soát nhiệt độ theo nhịp sinh học đem lại hiệu quả tiết kiệm điện mà vẫn thoải mái.

Rhythmic temperature-controlled pattern to save energy without sacrificing comfort.

AUTOCOMFORT

Đò tìm các tình huống có người hoạt động nhiều và điều chỉnh công suất làm lạnh nhằm đem lại cảm giác thoải mái.

Detects high activity levels and adjusts cooling power to improve comfort.

Điều khiển tốc độ quay / Inverter Control

Điều chỉnh tốc độ quay của máy nén đem lại hiệu quả tiết kiệm điện.

Varies the rotation speed of the compressor for higher energy savings.

Làm lạnh không khô / Mild Dry Cooling

Duy trì một lượng hơi ẩm giúp giảm cảm giác khô da và đau họng.

Maintains a certain level of humidity to help reduce skin dryness and sore throat.

Chế độ hoạt động êm / Quiet Mode

Chế độ làm lạnh nhanh / Powerful Mode

Chế độ khử ẩm nhẹ / Soft Dry Operation Mode

Khởi động với chế độ làm lạnh để khử ẩm, sau đó cung cấp gió đều dần với tần suất thấp để giữ phòng khô ráo mà không làm thay đổi nhiệt độ trong phòng.

Starts with cooling to dehumidify, then provides continuous breeze at a low frequency to keep a room dry without much change to the temperature.

Tạo các chế độ thổi gió cá nhân

Các mẫu gió thổi dọc và thổi ngang được kết hợp nhằm mục đích đem lại cảm giác thoải mái tối đa, bằng cách dùng điều khiển từ xa.

Vertical and horizontal airflow patterns can be combined as desired to achieve optimum comfort, with operation possible by remote even from a distance.

Điều khiển hướng gió thổi (Lên và Xuống)

Airflow Direction Control (Up & Down)

Điều chỉnh hướng gió thổi ngang bằng tay

Điều khiển hướng gió thổi

Manual Horizontal - Airflow Direction Control

Chế độ tự động chuyển đổi nóng lạnh

(Model hai chiều nóng lạnh)

Auto Changeover Mode (Heat pump)

Điều khiển khởi động nhanh

Hot Start Control

Chế độ hoạt động tự động

Automatic Operation Mode

Tiện dụng / Convenience

Hẹn giờ kép Bật/Tắt 24 tiếng

24-Hour Dual ON & OFF Real Setting Timer

Tính năng này cho phép bạn đặt hai chế độ hẹn giờ bật/tắt (giờ và phút) trong vòng 24 tiếng.

This feature enables you to preset two different sets of start/stop operation timer (hour and minute) within a 24-hour time frame.

Hẹn giờ Bật/Tắt 24 tiếng

24-Hour ON & OFF Real Setting Timer

Bạn có thể cài đặt trước thời gian hoạt động của máy chính xác (giờ và phút). Kể từ lúc này, máy sẽ hoạt động theo thời gian đặt trước hàng ngày cho tới khi chế độ hẹn giờ được đặt lại.

The exact operating time (hour and minute) of the air conditioner can be set in advance. From here on, the unit will operate in accordance to these preset hours every day until the system is reset.

Điều khiển từ xa không dây màn hình LCD

LCD Wireless Remote Control

Hẹn giờ Bật/Tắt 12 tiếng

12-Hour ON & OFF Setting Timer

Tin cậy / Reliability

Tự khởi động ngẫu nhiên

Random Auto Restart

Ổng dẫn gas dài

Long Piping

Chức năng tự báo lỗi / Self-Diagnostic Function

Trong trường hợp có lỗi phát sinh, máy sẽ dò tìm lỗi và hiển thị mã báo lỗi. Điều này giúp cho việc sửa chữa bảo hành được nhanh hơn.

Should a malfunction occur, the unit diagnoses the problem and shows the corresponding alphanumeric code. This allows for quicker servicing.

Đàn tản nhiệt màu xanh

Blue Fin Condenser

Cửa bảo trì ở phía trên

Top-Panel Maintenance Access

Hệ thống ký hiệu của model dàn rời / The system of model numbers for split models

1 Loại model / Model Type

CS : Loại dàn rời (Khởi trong nhà)

Split Type (Indoor Unit)

CU : Loại dàn rời (Khởi ngoài trời)

Split Type (Outdoor Unit)

CW : Loại cửa sổ

Window Type

CZ : Phụ kiện

Accessories

2 Chức năng / Function

TS : Loại làm lạnh (Inverter bán sang trọng)

Cooling Only (Inverter Semi Deluxe)

E : Hai chiều inverter

Heat Pump Inverter

A : Loại hai chiều sang trọng

Deluxe Heat Pump

KC : Loại làm lạnh (Bán sang trọng)

Cooling Only (Semi Deluxe)

3 Công suất / Capacity

Giá trị = Công suất (Btu/h) x 1/1000

Value Capacity

Ví dụ: 9,000 Btu/h x 1/1000 = 9

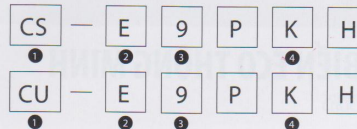
Eg.

4 Loại / Type

K : Loại treo tường / Wall-Mounted Type

T : Loại đặt sàn hoặc treo trần / Floor or Ceiling Dual Mountable Type

F : Loại tủ đứng / Floor Standing Type



Điều kiện đo / Rating Conditions	Làm lạnh / Cooling	Sưởi ấm / Heating
Nhiệt độ trong nhà / Inside air temperature	27°C DB (19°C WB)	20°C DB
Nhiệt độ ngoài trời / Outside air temperature	35°C DB (24°C WB)	7°C DB (6°C WB)

Màng lọc / Filters

Màng lọc kháng khuẩn (tùy chọn)
Anti-Bacterial Filter (Optional)

CZ-SA22P

CS-KC30KH-8, CS-KC120KH-8,
CS-KC180KH-8, CS-KC240KH-8, CS-KC360KH-8